

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈM GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
HĐND tỉnh Sơn La		Đề nghị quy định rõ hình thức văn bản công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực của Thường trực HĐND cùng cấp (<i>nghị quyết, quyết định hay công văn</i>)	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HĐND TP Hồ Chí Minh		Đề nghị xem xét sự cần thiết của việc quy định Thường trực HĐND cung cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của HĐND hết hiệu lực. Nếu cần thiết thì đề nghị làm rõ Thường trực HĐND công bố bằng hình thức nào? Và có cần đăng tải và đưa tin VBQPPPL theo quy định tại khoản 50 Điều 1 Luật năm 2020 hay không?	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
STP tỉnh Quảng Trị, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	<p>Khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “3. Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. <i>Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực.</i></p> <p>- Tuy nhiên, khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “3. <i>Thường trực HĐND là cơ quan thường trực của HĐND, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan...</i>”; Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND trong việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực. Do đó, quy định “<i>Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực</i>” tại khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định trái với quy định tại Điều 6 và Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương(sửa đổi, bổ sung năm 2019)</p> <p>- Đề nghị xem xét giao Chủ tịch UBND công bố danh mục văn</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật để đảm bảo phù hợp, thông nhất với quy định về trách nhiệm rà soát văn bản tại điểm a khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định về trách nhiệm công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</p>	
HĐND tỉnh Quảng Nam		<p>Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn xác định thế nào là văn bản quy định chi tiết; đồng thời, hướng dẫn xác định hiệu lực văn bản quy định chi tiết trong trường hợp VBQPPL hết hiệu lực theo khoản 4 Điều 154 và trường hợp bãi bỏ VBQPPL quy định chi tiết theo Điều 12 Luật BVNQPLL.</p> <p>Đề nghị quy định rõ hơn về: (1) trường hợp cần phải ban hành văn bản bãi bỏ (2) trường hợp công bố VBQPPL hết hiệu lực</p>	<p>Triển thu</p>
HĐND tỉnh Quảng Trị		<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đề nghị bổ sung cụm từ “và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”, Viết lại như sau “Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
STP tỉnh Thái Nguyên		<p>Đề nghị điều chỉnh nội dung khoản 14 Điều 1 dự thảo để đảm bảo rõ hơn trong việc sửa đổi khoản 3 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau: “3. Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết trong trường hợp văn bản hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực”.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Cùng với việc quy định như trên, đề nghị dự thảo làm rõ điều kiện để được coi là “văn bản quy định chi tiết” bởi trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành, việc giao quy định chi tiết có lúc không rõ ràng, theo cách hiểu khác nhau (khoản 1 Điều 11 của Luật: nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và <u>những nội dung khác cần quy định chi tiết</u>). Từ việc thiếu rõ ràng trong xác định các văn bản là văn bản quy định chi tiết dẫn đến việc thực hiện quy định trên để công bố hết hiệu lực khi văn bản giao chi tiết hết hiệu lực nếu không được kiểm soát tốt, thực hiện thông nhất thì sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu lực tổ chức thực hiện các QPPL. Bên cạnh đó, cần có quy định để xử lý chuyển tiếp những văn bản có trước khi Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 có tính chất như văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực.</p>	<p>Tại khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “Thường trực HĐND cung cấp thực hiện việc công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực.” Đề nghị xem xét bỏ nội dung này. Lý do: Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhất là nghị quyết quy định mức chí, chính sách, phần lớn do UBND tỉnh trình và chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu triển khai thực hiện khi nghị quyết được thông qua. Vì vậy, đề nghị tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34 và khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154</p> <p>Đề nghị chỉnh lý như sau: “3. ... Thường trực HĐND các cấp thực hiện việc công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.”</p> <p>Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:</p> <p>“4. Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản</p>
HĐND tỉnh Bình Thuận			<p>Triển thu</p>
HĐND tỉnh Điện Biên			

NHÓM VĂN BẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	NỘI DUNG
		11. Về hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định (Khoản 15 dự thảo nghị định)		quy định chi tiết hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. <i>Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố danh mục nghị quyết hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân cùng cấp lập và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.</i> ”
Bộ TNMT, Bộ NN&PTNN		Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định: Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định “ <i>Bản điện tử các tài liệu nêu trên là bản có dấu, có chữ ký được lưu trên Công thông tin điện tử của Bộ Tư pháp</i> ” gây khó hiểu, khó triển khai.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
Bộ VHTTDL		Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định về việc đóng dấu (đóng dấu treo, đóng dấu chính thức) đối với các thành phần của hồ sơ dự án văn bản quy phạm pháp luật gửi thẩm định (khoản 15, khoản 19 Điều 1) nhưng chưa có quy định tương tự đối với hồ sơ lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 37 và khoản 2 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên nghiên cứu, bổ sung để thống nhất về thể thức của hồ sơ gửi thẩm định.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
Bộ Giao thông vận tải		Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng tất cả thành phần Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp được đóng dấu treo trên từng dự thảo văn bản, không quy định phải được ký, đóng dấu của cơ quan chủ trì soạn thảo	Tiếp thu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ Công an, Bộ Công Thương		Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc quy định: “ <i>Bản điện tử các tài liệu nêu trên là bản có dấu, có chữ ký được lưu trên Công thông tin điện tử của Bộ Tư pháp</i> ”, vì chưa có quy định về việc gửi bản điện tử các tài liệu qua Công Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và các tài liệu có nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp. Đồng thời, mục đích của gửi bản điện tử để nhằm hạn chế việc gửi các văn bản giấy nên nếu có quy định gửi bản điện tử thì cần phải có quy định cụ thể số lượng gửi văn bản giấy hoặc không gửi văn bản giấy.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ Công thương		Hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thi báo cáo thẩm định là của Hội đồng tư vấn thẩm định hay tổ chức pháp chế	
UBND tỉnh Lào Cai		- Đề nghị chỉnh lý như sau: “ <i>I.... Thành phần hồ sơ bao gồm: Tờ trình, dự thảo văn bản...</i> ”	Luật Ban hành VBQGPL đã hướng dẫn rõ nội dung này
UBND tỉnh Yên Bái		Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm Bộ Tư pháp trong việc tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung: “ <i>Tờ trình, Dự thảo văn bản, Bản đánh giá thu tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu có), Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được đóng dấu treo của bộ, cơ quan ngang bộ</i> .” Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung trách nhiệm Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đối với yêu cầu dự thảo Tờ trình, Dự thảo văn bản, Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản (nếu có), Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý phải được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung này cho đầy đủ, bảo đảm tính đồng nhất trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật giữa Trung ương và địa phương.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH		
UBND tỉnh Đăk Lăk	<p>Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, dự thảo văn bản pháp luật gửi thẩm định theo đơn vị thời gian là “ngày làm việc”. Trong khi đó, Luật Ban hành văn bản QPPL quy định thời gian thẩm định theo đơn vị thời gian là “ngày” (Ví dụ: khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 quy định “Chậm nhất là <u>25 ngày</u> trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định”; “Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn <u>15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định”). Như vậy, việc quy định về thời gian như Dự thảo là chưa thống nhất với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất.</u></p>	<p>Theo quy định hiện nay, thời hạn thẩm định là “15 ngày”; tuy nhiên, thực tế đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì thời hạn thẩm định cần kéo dài hơn (vì phải thực hiện các công việc đề nghị các cơ quan liên quan cử người tham gia; Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định; gửi văn bản đến các thành viên trước khi họp, ...) nên hầu hết các báo cáo thẩm định mà có thành lập Hội đồng tư vấn đều trễ hạn, không đảm bảo được thời gian như quy định. Hơn nữa, cần xem xét, sửa đổi quy định thời gian thẩm định theo “ngày làm việc”, vì hiện tại quy định là “ngày” thi thời gian thẩm định luôn ngày nghỉ, ngày lễ hoặc trong trường hợp cùng một thời điểm nhận nhiều thẩm định thì cũng không đảm bảo đủ thời gian để thẩm định. Do vậy, đề đảm bảo thời gian thẩm định, đề nghị sửa đổi theo hướng đổi với dự</p>	<p>Tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong phạm pháp luật và soạn thảo dự án, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án (Câu 5. Thời hạn giải quyết của Phụ lục II), có hướng dẫn như sau: “ngày” là đơn vị chỉ thời gian (kể cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định), “ngày làm việc” là đơn vị chỉ thời gian làm việc của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính (không kể ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định). Do vậy quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp.</p>
UBND tỉnh Bình Dương	<p>Theo quy định hiện nay, thời hạn thẩm định là “15 ngày”; tuy nhiên, thực tế đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì thời hạn thẩm định cần kéo dài hơn (vì phải thực hiện các công việc đề nghị các cơ quan liên quan cử người tham gia; Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định; gửi văn bản đến các thành viên trước khi họp, ...) nên hầu hết các báo cáo thẩm định mà có thành lập Hội đồng tư vấn đều trễ hạn, không đảm bảo được thời gian như quy định. Hơn nữa, cần xem xét, sửa đổi quy định thời gian thẩm định theo “ngày làm việc”, vì hiện tại quy định là “ngày” thi thời gian thẩm định luôn ngày nghỉ, ngày lễ hoặc trong trường hợp cùng một thời điểm nhận nhiều thẩm định thì cũng không đảm bảo đủ thời gian để thẩm định. Do vậy, đề đảm bảo thời gian thẩm định, đề nghị sửa đổi theo hướng đổi với dự</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thảo văn bản mà phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì quy định dài hơn và tính theo ngày làm việc.	
12. Về TĐ văn bản do Sở Tư pháp thực hiện (Khoản 16, 17, 18 dự thảo nghị định)			
UBND tỉnh Bến tre	Khoản 16: đề nghị quy định hình thức trả hồ sơ của Sở Tư pháp (trao đổi qua điện thoại hay bằng văn bản)	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
Bộ Công an	Tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc việc thành lập: “Hội đồng thẩm định”, vì theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức họp tư vấn thẩm định, thành lập “Hội đồng tư vấn thẩm định”.	Việc quy định Hội đồng thẩm định là để phù hợp với Điều 130 của Luật BHVBQGPL	
Bộ TNMT	Tại khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định: Về khoản 2 Điều 51 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cân nhắc quy định thời gian tối thiểu để chuyển hồ sơ đến thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định là 05 ngày làm việc, trước ngày tổ chức cuộc họp.	Dự thảo Nghị định sửa đổi điều 51 Nghị định như sau “Điều 51. Cuộc họp của Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định	
		<p>1. Cuộc họp của Hội đồng được tiến hành khi có quá nửa tổng số thành viên tham dự.</p> <p>2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chuyển hồ sơ dự thảo văn bản gửi thẩm định đến các thành viên Hội đồng trước ngày tổ chức cuộc họp.</p> <p>3. Cuộc họp của Hội đồng được tiến hành theo trình tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày những nội dung cơ bản của dự thảo văn bản; b) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 121 và khoản 3 	

NHÓM VĂN BẢN	CHỦ THÈM GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>Điều 130 của Luật và những văn đề khác liên quan đến nội dung dự thảo văn bản. Trước khi thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định, Thủ ký Hội đồng đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt;</p> <p>c) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản theo đề nghị của thành viên Hội đồng;</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng kết luận về các nội dung đã thẩm định và nêu rõ ý kiến kết luận về việc dự thảo văn bản đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>4. Thủ ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp, trình Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định.”.</p>
HĐND thành phố Cần Thơ		<p>- Tại khoản 4 đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành: “4. Thủ ký Hội đồng tư vấn thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng ký”.</p> <p>Quy định như dự thảo là chưa phù hợp. “4. Thủ ký Hội đồng tư vấn thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định”. Vì, theo quy định của Luật Ban hành VBQPL (Điều 115, 121) thì việc thẩm định văn bản là trách nhiệm của Sở Tư pháp, không phải của Hội đồng thẩm định cho nên báo cáo phải do Sở Tư pháp ký ban hành.</p>	<p>Tiếp thu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND tỉnh Lào Cai		<p>Đề nghị chỉnh sửa cho đầy đủ như sau: “<i>Sửa đổi, bổ sung Điều 50 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều I Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau</i>”.</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu Tiếp thu
UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Đồng Nai		<p>Tại điểm b khoản 16 Điều 1 (nội dung bổ sung khoản 7 vào Điều 49), đề nghị bổ sung làm rõ trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ thẩm định sau thời hạn yêu cầu (sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp) thì xử lý như thế nào để thuận lợi cho việc thực hiện khi dự thảo Nghị định được ban hành.</p> <p>Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung điều khoản quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định trong trường hợp không tổ chức họp có thể lấy ý kiến bằng văn bản để rút ngắn thời gian ban hành văn bản đối với các VBQPPL do Sở Tư pháp ban hành theo hình thức bối bối hoặc đối với VBQPPL đơn giản.</p> <p>khoản 17:</p> <p>Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo quy định “nếu có” đối với các thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học cho phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương như Nam Định, Thái Bình...</p> <p>Tại khoản 17 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 34/2016/NĐ-CP)</p> <p>Dự thảo bổ sung nội dung về “Hội đồng thẩm định”. Tuy nhiên, ngoài nội dung “Thành lập Hội đồng thẩm định đối với dự thảo quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật”, thì Hội đồng thẩm định không khác bát cứ điểm nào so với Hội đồng tư vấn thẩm định (thành phần, hoạt động của Hội đồng</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu Tiếp thu
UBND tỉnh Đăk Lăk		<p>Điều 130 Luật Ban hành VBQPPL quy định thành lập Hội đồng thẩm định, do vậy dự thảo Nghị định sửa đổi là phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thẩm định đều giống với Hội đồng tư vấn thẩm định). Bên cạnh đó, Luật Ban hành văn bản QPPL chỉ quy định về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, không có Hội đồng thẩm định. Do đó, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc lại sự phù hợp và cần thiết của nội dung này để chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất, giúp quá trình triển khai áp dụng Nghị định được thuận lợi.</p> <p>Tại khoản 17 Điều 1 sửa đổi Điều 50 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định thành lập Hội đồng thẩm định:</p> <p>Tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy QPPL năm 2020 quy định: “<i>I. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i></p> <p><i>Đối với dự thảo quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học”.</i></p> <p>Tren cơ sở pháp luật nêu trên, đề nghị làm rõ trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định thì báo cáo thẩm định là báo cáo của Giám đốc Sở Tư pháp hay Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành.</p>	
UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Đắk Lăk		<p>Tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định:</p> <p>Việc quy định như dự thảo thì thành phần Sở Tư pháp tham gia Hội đồng sẽ luôn luôn không được ít hơn 02 người (gồm Chủ tịch và thư ký), trong khi đó lại quy định đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng nên dẫn tới Hội đồng sẽ luôn luôn không được ít hơn 07 người? Quy định này chỉ phù hợp đối với các trường hợp dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quyết định có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, còn đối với trường hợp dự thảo văn bản do Sở Tư pháp soạn thảo có nội dung đơn giản nhưng vẫn phải thực hiện theo</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nguyên tắc trên sẽ phát sinh nhiều bất cập trong quá trình thực hiện trên thực tế vì thừa, không cần thiết. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung này theo hướng mở hơn cho phù hợp với tình hình thực tiễn.	
UBND tỉnh Vĩnh Long	HĐND tỉnh Vĩnh Long	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị quy định riêng 01 Điều về thời gian cụ thể của quá trình lập thông qua văn bản quy phạm pháp luật của cấp tỉnh <p>- Tại nội dung điểm a khoản này quy định Sở Tư pháp có trách nhiệm “Tổ chức họp tư vấn thẩm định”. Tuy nhiên, tại nội dung điểm này thể hiện thì STP có trách nhiệm thành lập 02 hội đồng (HĐTVTD và HĐTĐ). Do đó, việc quy định chỉ tổ chức họp tư vấn thẩm định (được hiểu là họp HĐTVTD) là chưa đầy đủ. Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh.</p> <p>Tại điểm b khoản 16 Điều 1 Dự thảo Nghị định, STP đề nghị chỉnh sửa theo hướng “7. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi thẩm định. Trường hợp hồ sơ dự thảo gửi thẩm định không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 121, khoản 2 Điều 130 của Luật, thì chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ. Trường hợp không đảm bảo thực hiện quy trình xây dựng văn bản theo quy định của Luật, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp trả lại hồ sơ để cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản.</p> <p><i>Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Thời điểm thẩm định được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ.”</i></p> <p>Lý do: Hiện nay đối với dự thảo do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh soạn thảo, một số dự thảo chưa đảm bảo về quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định của Luật ban</p>	<p>Tổ chức họp tư vấn thẩm định được hiểu là tổ chức họp trong trường hợp không thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định và Hội đồng thẩm định</p>
	STP tỉnh Sơn La		Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hành văn bản QPPL (chưa xin ý kiến đối với đối tượng tác động trực tiếp của văn bản, đăng tải thời gian chưa đảm bảo theo quy định tại tại khoản 1 Điều 113, khoản 2 Điều 120 Luật ban hành văn bản QPPL), hoặc một số nội dung cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến (đối tượng tác động trực tiếp của văn bản) chưa thông nhất về nội dung..., nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn trình cơ quan Tư pháp để thẩm định. Do đó, đối với các nội dung như trên thì Sở Tư pháp tra lại hồ sơ để đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để gửi thẩm định theo đúng quy định.</p>	
UBND tỉnh Sóc Trăng		<p>Điểm b Khoản 16 Điều 1, dự thảo nêu “STP đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ”, tuy nhiên chưa quy định đề nghị thông qua hình thức nào. Đề nghị bổ sung hình thức đề nghị cho phù hợp.</p> <p>Thời hạn 03 ngày làm việc, trong một số TH thời hạn này không thể thực hiện được, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
STP tỉnh Quảng Trị		<p>Khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “2. Hội đồng gồm Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp và các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Tổng số thành viên của Hội đồng do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định. Đối với trường hợp thẩm định dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng.”.</p> <p>Theo quy định trên đây thì đối với trường hợp thẩm định dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng. Đề nghị</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>xem xét lại quy định này vì trong nhiều trường hợp sẽ không đảm bảo tỷ lệ không quá 1/3 đại diện Sở Tư pháp tham gia Hội đồng trên tổng số thành viên Hội đồng. Ví dụ như trường hợp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL. Trường hợp này thành phần Hội đồng sẽ có đại diện Văn phòng UBND tỉnh, đại diện Sở Tài chính, Lãnh đạo Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Tư pháp là thư ký Hội đồng, theo đó, đại diện Sở Tư pháp chiếm 2/4 tổng số thành viên Hội đồng, Do vậy, đề nghị xem xét quy định về tỷ lệ đại diện Sở Tư pháp tham gia Hội đồng trên tổng số thành viên Hội đồng tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp.</p> <p>Khoản 17, đề nghị quy định chung về Hội đồng tư vấn thẩm định (thay cho Hội đồng thẩm định) cho các VBQPPPL để thống nhất trong quá trình thực hiện.</p>	
Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng		<p>Tại khoản 18 Điều 1 của dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 51 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó khoản 4 Điều 51 có nội dung “<i>Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp, trình Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định</i>”. Việc quy định Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định như dự thảo là không phù hợp vì nếu quy định như vậy thì <i>sẽ có 02 Báo cáo thẩm định</i>, gồm Báo cáo thẩm định của Chủ tịch Hội đồng và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (theo Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 121, Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì <i>Báo cáo thẩm định là do Sở Tư pháp ký chứ không phải do Chủ tịch Hội đồng ký</i>. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa nội dung này cho đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định của Luật ban</p>	<p>Điều 130 Luật BHVBQPPPL quy định về Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Hội đồng thẩm định thực hiện</p> <p>Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định Hội đồng gồm Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp và các thành viên ... như vậy việc quy định Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định là phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hành văn bản quy phạm pháp luật	
UBND tỉnh Quảng Bình	Bộ TNMT	<p>Đè nghị sửa đổi quy định “Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị” theo hướng kéo dài thời gian bổ sung hồ sơ, vì có những tài liệu cơ quan soạn thảo không thể hoàn thiện trong vòng 03 ngày làm việc</p>	<p>Đè nghị sửa đổi quy định “Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị” theo hướng kéo dài thời gian bổ sung hồ sơ, vì có những tài liệu cơ quan soạn thảo không thể hoàn thiện trong vòng 03 ngày làm việc</p>
UBND tỉnh Lào Cai		<p>13. Về trình bày văn bản (Khoản 19 dự thảo nghị định)</p> <p>Tại khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định:</p> <p>Đè nghị nghiên cứu làm rõ nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “<i>2. Đối với văn bản hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.</i>” . Nếu theo quy định này thì văn bản ban hành kèm theo văn bản khác có cần phải có chữ ký của người có thẩm quyền ở cuối văn bản kèm theo nữa không, hay không cần ký mà chỉ cần có dấu treo là được?</p> <p>- Khoản 19 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: “<i>2. Đối với văn bản ban hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.</i>” Tuy nhiên, tên Điều 64 quy định về “<i>Trình bày phần kết thúc văn bản</i>”, việc quy định như trên là chưa thống nhất giữa tên điều và nội dung của điều. Do đó, đè nghị nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo chính xác, thống nhất.</p>	<p>Dự thảo Nghị định quy định “<i>2. Đối với văn bản ban hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.</i>” là đã rõ ràng.</p>
UBND tỉnh Vĩnh Long		<p>- Đè nghị thêm cụm từ “<i>phía trên bên trái văn bản</i>” sau cụm từ “<i>đóng dấu treo</i>”.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
UBND tỉnh Quảng Bình		Về quy định liên quan đến Hội đồng tư vấn thẩm định do Sở Tư	Theo quy định tại Điều 115, 121 của

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		pháp thành lập: Đề nghị quy định rõ hơn chủ thể ban hành báo cáo thẩm định trong trường hợp dự thảo VBQGPL do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo là Hội đồng tư vấn thẩm định hay Sở Tư pháp	Luật Ban hành VBQGPL thì việc thẩm định văn bản là trách nhiệm của Sở Tư pháp, không phải của Hội đồng thẩm định cho nên báo cáo thẩm định phải do Sở Tư pháp ký ban hành.
		14. Về kỹ thuật viện dẫn văn bản (Khoản 20 dự thảo nghị định)	
Bộ Công an		Dè nghị bổ sung nội dung viện dẫn đối với văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản được sửa đổi, bổ sung cho thống nhất trong áp dụng.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ VHTTDL		Cần bổ sung vào Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về cách dẫn chiếu điểm, khoản, điều đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm thống nhất trong việc viện dẫn cũng như trong việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các quy định đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản trước đó	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Lào Cai		- Đề nghị chỉnh sửa như sau: “ <i>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:</i> ”	Tiếp thu
UBND tỉnh Vĩnh Long		- Đề nghị xem xét điều chỉnh việc xây dựng quy định: khi viện dẫn lùn đầu luật, pháp lệnh phải ghi <i>số kí hiệu văn bản</i> , vì theo các biểu mẫu văn bản QPPL tại Phụ lục I kèm theo ND số 154/2020/NĐ-CP, thì cách trình bày <i>luật, pháp lệnh</i> trong phần cẩn cứ pháp lý cũng không phải ghi <i>số kí hiệu văn bản</i> .	Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Đề nghị sửa khoản 20 Điều 1 của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau: “1. Khi viện dẫn lâm đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lâm viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó” cho phù hợp, thống nhất với điểm 6a Phụ lục I của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư: “Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành)”.</p>	<p>Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thè thúc và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14</p>
HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		<p>Đề nghị chỉnh lý như sau: “Trong lâm viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, chỉ ghi tên loại và tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, chỉ ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản.”.</p>	<p>Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thè thúc và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	HĐND tỉnh Gia Lai	Tại khoản 20 Điều 1, đề nghị xem xét sửa nội dung “ Khi viện dẫn lản đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản và số, ký hiệu văn bản;” thành “Khi viện dẫn lản đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản và ngày, tháng, năm ban hành văn bản; ” nhằm bảo đảm thống nhất với thể thức, ký thuật trình bày phần cẩn cú ban hành văn bản được quy định tại các mẫu văn bản quy phạm pháp luật	Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và ký thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14
15. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 21, 22, 23, 24, 25, 26 dự thảo nghị định)	Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNN, UBND tỉnh Thanh Hoá, UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	Khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định “ <i>văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật...</i> ” để thể hiện rõ đối tượng văn bản được kiểm tra theo quy định tại Điều 165, Điều 166 và Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hay không thì cần thực hiện thông qua việc “kiểm tra”. Do vậy, đề nghị làm rõ bước xác định văn bản được kiểm tra (văn bản có dấu hiệu trái pháp luật) và thẩm quyền, trình tự thực hiện của bước này.	- Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). - Trên thực tế, khi văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu, chỉ đạo việc kiểm

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại khoản 21 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): Dự thảo quy định “ <i>Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật</i> ” là không phù hợp, thiếu thông nhât, vì nếu quy định như dự thảo thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật. Tuy nhiên, tại khoản 22 Dự thảo quy định về cản cứ thực hiện tự kiểm tra là “ngay sau khi văn bản được ban hành” hoặc kiểm tra văn bản theo địa bàn, chuyên đề, lĩnh vực. Như vậy, văn bản được kiểm tra không chỉ là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật, mà cả những văn bản chưa xác định có dấu hiệu trái pháp luật cũng được tiến hành kiểm tra.	Dã tiếp thu, nghiên cứu, điều chỉnh tại Dự thảo.
HĐND tỉnh Cao Bằng		việc quy định cản có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21, Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bát cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên.	- Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ TNMT	Tại khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định: Về sửa đổi khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa là: “1. Văn bản được kiểm tra là các văn bản được xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm: Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ...”	Khoản 21 nêu “1. VB được kiểm tra là các VB sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm ...”. Quy định này chưa thống nhất với căn cứ thực hiện kiểm tra tại khoản 22 Điều 1 DT NĐ. Theo quy định tại khoản 2 v 3 Điều 106 dự thảo thì văn bản tự kiểm tra và văn bản kiểm tra theo thẩm quyền ngoài TH kiểm tra khi có dấu hiệu trái pháp luật thì còn kiểm tra khi :VB được ban hành”, “Khi có yêu cầu, chỉ đạo...”. Để đảm bảo tính thống nhất đề nghị giữ nguyên tên khoản 1 Điều 103.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu một phần. Đã chỉnh lý tại phần giải thích từ ngữ tại khoản 4 Điều 2. - Đã nghiên cứu, bổ sung cho thống nhất.
UBND tỉnh Sóc Trăng	Việc quy định cản có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 là chưa phù hợp với các quy định của ND 34 (khoản 4 Điều 2, Điều 111, khoản 2 Điều 116).	Triển thu. Đã nghiên cứu, chỉnh lý	<p>Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn</p>
Bộ VHTTDL, Bộ Công an	(1) Tại khoản 21, khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định: Việc chỉnh sửa các quy định trên theo hướng “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật” là chưa	thống nhất.	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hợp lý và trái Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để nghị giữ nguyên như quy định hiện hành vì những lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thứ nhất, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Châm nháu là 03 ngày kể từ ngày công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc ký chứng thực, ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật khác, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 164 của Luật này để giám sát, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 165, khoản 1 Điều 166 hoặc khoản 1 Điều 167 của Luật này để kiểm tra” (Điều 13). Như vậy, việc kiểm tra được thực hiện với tất cả các văn bản quy phạm pháp luật ngay sau khi được ban hành, không chỉ giới hạn ở văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Mặt khác, Điều 165, Điều 166, Điều 167 sử dụng cụm từ “Kiểm tra văn bản” và “Xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật”, không có quy định về “kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật”. + Thứ hai, văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện trong quá trình cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (nếu chỉ căn cứ vào việc phân loại văn bản thì khó phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật). Khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc xử lý theo quy định (làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan để kết luận về dấu hiệu trái pháp luật; xử lý khi có kết luận văn bản trái pháp luật). Như vậy, việc kiểm tra để phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật phải được coi là một hoạt động trong quy trình kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. + Thứ ba, nếu chỉnh sửa như dự thảo thì quy định “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân 	<p>bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p> <p>Về xử lý trách nhiệm và khắc phục hậu quả đã được quy định tại Nghị định.</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tự kiểm tra văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành” (khoản 1 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 2 Điều 106 dự kiến được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định) không còn ý nghĩa vì việc tự kiểm tra chỉ thực hiện khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, không bắt buộc phải kiểm tra tất cả các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.</p> <p>(2) Theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật phải được xử lý theo hình thức đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật, tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về hệ quả pháp lý sau khi các văn bản quy phạm pháp luật được xử lý. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, bổ sung quy định nhằm làm rõ giá trị pháp lý của những quan hệ phát sinh hoặc đã được điều chỉnh bởi quy định trái pháp luật trước khi bị xử lý (đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ).</p> <p>Tại điều khoản này ghi “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:</p> <p>“1. Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm: (...)"</p> <p>Dự thảo Tờ trình dự thảo Nghị định ghi là “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật”. Đề nghị sửa khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định (trích trên đây) đúng như trong dự thảo Tờ trình (“văn bản sau khi xác định”) cho rõ nghĩa, chính xác và thông nhất.</p> <p>Mặt khác, đề nghị quy định rõ để thực hiện điều khoản trên vì những lý do sau:</p>	
UBND tỉnh Bắc Ninh		<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu một phần. Chính lý tại khoản 4 Điều 2. Đồng thời, chính lý căn cứ thực hiện kiểm tra văn bản tại Điều 106. - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội 	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
			TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định: “Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành; (...) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản”.</p> <p>Như vậy trong trường hợp trên, phải tiến hành tự kiểm tra thì mới phát hiện được một văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Điều này mâu thuẫn với quy định “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật”.</p> <p>- Mặt khác, nếu xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật mới kiểm tra thì cần phải quy định cụ thể cơ quan hay tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để từ đó tiến hành kiểm tra.</p> <p>Từ những lý do trên, đề nghị cơ quan soạn thảo có quy định cụ thể hướng dẫn về vấn đề trên hoặc giữ nguyên như Điều 103 Nghị định 34/2016/NĐ-CP để thuận tiện trong việc thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng.</p> <p>- Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p>
		<p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP thì việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là “việc xem xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất <u>của văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật</u>”. Tuy nhiên, tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định đã sửa đổi khoản 1, Điều 103 của Nghị định 34 như sau: “<u>Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật</u>”. Như vậy, theo quy định mới được hiểu là việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật.</p> <p>Nhưng tại khoản 22 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định:</p>	<p>Tiếp thu.</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>“Phương thức kiểm tra văn bản gồm: Tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”, trong đó, việc tự kiểm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi ban hành hoặc nhân được yêu cầu, kiểm nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (quy định tại Điều 111 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định); đồng thời, một trong những căn cứ để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là: “Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực”, trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật (theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định). Như vậy, việc quy định cản cản cứ vào dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên.</i></p>	
UBND TP Hải Phòng, UBND TP Đà Nẵng	Khoản 21 Điều 1 chưa thực sự hợp lý vì để xác định dấu hiệu trái pháp luật hay không thì cần phải tiến hành kiểm tra VB. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 103 thì VB được xử lý sau kiểm tra không chỉ có văn bản trái pháp luật và cũng không thống nhất với quy định tại khoản 22 Điều 1 dự thảo ND về phương thức và căn cứ thực hiện kiểm tra VB. Đề nghị chỉnh lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội 	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tố chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p>
UBND tỉnh Lào Cai	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” - Đề nghị chỉnh sửa như sau: “ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 22 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” 	<p>Triển thu</p>	<p>đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu</p>
UBND tỉnh Lào Cai	<ul style="list-style-type: none"> - Tên khoản 1 Điều 103 của ND số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung thành “ Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật gồm” là chưa phù hợp vì để xác định văn bản trái pháp luật hay không thì phải qua giai đoạn kiểm tra mới có thể khẳng định, đồng thời nhận thấy việc điều chỉnh như trên là chưa có sự thống nhất trong nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Cụ thể là, tại khoản 24, khoản 26 Điều 1 của dự thảo ND sửa đổi, bổ sung đều gọi văn bản được kiểm tra là “đối tượng kiểm tra”. Do đó, đề đảm bảo tính thống nhất đề nghị điều chỉnh tên của khoản 1 Điều 103 của ND số 34/2016/NĐ-CP thành “ Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, 	<p>Triển thu</p>	<p>đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>gồm:</p> <p>(1) Khoản 21 Điều 1 của Dự thảo quy định như sau: “<i>Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật</i>”. Như vậy, theo quy định mới thì việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật.</p> <p>Tuy nhiên, khoản 22 Điều 1 của Dự thảo quy định: “<i>Phương thức kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền</i>”, trong đó, việc tự kiểm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (<i>quy định tại Điều III của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định</i>); đồng thời một trong những căn cứ để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là: “<i>Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực</i>”, trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật (<i>theo quy định tại khoản 2 Điều 1/6 của Nghị định số</i></p>	<p>hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản cản cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu 1 phần. Chính lý Điều 106. - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản cản cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng.
		<p>Việc kiểm soát, phân loại, xác định</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TRÌP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định). Như vậy, việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của ND 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên.</p>	<p>Khoản 21 Điều 1 của Dự thảo Nghị định đã sửa đổi khoản 1, Điều 103 của Nghị định 34 như sau: “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật”. Theo quy định mới thì việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật. Trong khi đó tại khoản 22 Điều 1 của Dự thảo Nghị định quy định: “Phương thức kiểm tra văn bản gồm: Tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”, trong đó, việc tự kiểm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (quy định tại Điều 111 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định); đồng thời, một trong những căn cứ để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là: “Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực”, trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật (theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định). Như vậy, việc quy định cần có dấu hiệu trái</p> <p>- Tiếp thu 1 phần. Chính lý Điều 106.</p> <p>- Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản sau khi văn bản được ban hành căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mỗi thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên.</p>	<p>Tại khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật” là không hợp lý. Lý do: Việc xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật cũng có thể thông qua hoạt động kiểm tra mới phát hiện</p> <p>HĐND tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p>
STP tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Kiên Giang		<p>- Tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định: Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm...” Đề nghị bỏ cụm từ “là các văn bản sau xác định</p>	<p>Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
			TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		có dấu hiệu trái pháp luật” vì chỉ sau khi thực hiện kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền mới xác định được văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hay không.	<p>bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).</p> <p>Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tố chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.</p>
	15.2. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định)	Tại khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định:	
Bộ Công an	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ quy định căn cứ thực hiện tự kiểm tra là “<i>ngay sau khi được ban hành</i>”, vì có những văn bản sau khi ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo không gửi đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc biết được qua phương tiện thông tin đại chúng thì việc quy định như dự thảo Nghị định mang tính định tính, khó thực hiện. - Đề nghị làm rõ quy định về tiếp nhận, phân loại văn bản thuộc đối tượng kiểm tra. Theo đó, cần quy định việc tiếp nhận văn bản bằng các phương thức nào, có cần phải là văn bản do cơ quan soạn thảo gửi đến hay không? 	<p>Dã nghiên cứu, chỉnh lý căn cứ kiểm tra văn bản tại Điều 106.</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊM GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ Xây dựng	<p><i>1 - Điều a khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: "Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chính án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành.".</i></p> <p><i>- Khoản 1 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: "Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.</i></p> <p><i>2 - Điều b, điều c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:</i></p> <p><i>"b) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình;</i></p> <p><i>c) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đơn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của bộ, cơ quan ngang bộ.</i></p> <p><i>... "</i></p>	<p>- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định về trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật chưa bảo đảm tương thích với trách nhiệm kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền¹; đồng thời, quy định trách nhiệm tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền cũng chưa bảo đảm tương thích với trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật². Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh lý trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền bảo đảm tương thích với trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo đó: (i) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.; (ii) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đơn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa pháp luật chung của bộ, cơ quan ngang bộ.</p>	<p>Tính chất hai hoạt động khác nhau, do đó, quy định trách nhiệm trong tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền và rà soát văn bản có cách quy định khác nhau.</p>
HĐND tỉnh Vĩnh Phúc	Điều 106, đề nghị cơ cấu lại các khoản, điểm để phù hợp với	Quy định như hiện tại để bảo đảm	

¹ - Điều a khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: "Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chính án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành.".

² Khoản 1 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: "Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

² - Điều b, điều c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

"b) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình;

c) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đơn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của bộ, cơ quan ngang bộ.

... "

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiêu đề của điều luật, cụ thể: 1. <i>Phương thức kiểm tra văn bản</i> a) <i>Tự kiểm tra văn bản;</i> b) <i>Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.</i> 2. <i>Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản:</i> a) <i>Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản ...</i> b) <i>Căn cứ thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền... ”</i>	đúng bối cảnh của Điều
Sở TTTT		Đề nghị điều chỉnh tại Khoản 22 dự thảo ND như sau: “3. a) <i>Khi nhận được văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền gửi hoặc theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật;”</i> , để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	Đã quy định tại điểm d khoản 3.
UBND tỉnh Sơn La		Đề nghị cân nhắc lại việc quy định cụm từ “phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” là một trong những căn cứ để kiểm theo thẩm quyền là chưa phù hợp và đi ngược với trình tự kiểm tra thông thường. Theo trình tự thông thường, khi tiến hành kiểm tra mới phát hiện ra nội dung văn bản có trái pháp luật hay không.	Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).
UBND tỉnh Kiên Giang		Việc kiểm soát chất lượng, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
		15.3. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định)	Tại khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định: Về sửa đổi, bổ sung Điều 133 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể việc các bộ, cơ quan ngang bộ khi yêu cầu các bộ, ngành khác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ mình thi phải quy định rõ thời điểm/giai đoạn kiểm tra (thường là trong 01 năm) vì thực tế hiện nay một số bộ, ngành trong văn bản đề nghị kiểm tra không nêu rõ thời điểm kiểm tra dẫn đến khó khăn cho các bộ, ngành khác khi triển khai hoạt động kiểm tra văn bản.	Về nguyên tắc, việc tư kiểm tra văn bản được thực hiện bảo đảm nguyên tắc “kịp thời” trong kiểm tra văn bản. Do đó, việc thực hiện yêu cầu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ với nhau chỉ là việc yêu cầu cung cấp các thông tin về công tác kiểm tra, kết quả đã thực hiện.
STP tỉnh Nam Định		Về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định) Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn: “sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP...” thành “sửa đổi, bổ sung điều a khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP...” cho phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung.	Dã bỏ nội dung này (không sửa đổi).	
	15.4. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 24 Điều 1 dự thảo Nghị định)	- Khoản 24: Việc viễn dẫn điểm b khoản 1 Điều 106 trong nội dung khoản này là không cần thiết vì không mang lại mục đích làm rõ nghĩa cho nội dung quy định. Điều 115 của NĐ số 34/2016/NĐ-CP quy định về “Trình tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”, do đó việc viễn dẫn phương thức kiểm tra tại điểm	Triển thu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	b khoản 1 Điều 106 của ND số 34 là không cần thiết		
15.5. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 25 Điều 1 dự thảo Nghị định)	Bộ VH TTDL	Cần cân nhắc, sửa đổi Điều 128 theo hướng bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc kiểm tra văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang bộ.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu.
Kiểm toán Nhà nước	UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Đồng Nai	Dè nghị bỏ sang cụm từ “và tổ chức tương đương” sau cụm từ “người đứng đầu cục” để đảm bảo tính logic	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
	Tại khoản 25 Điều 1 (nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 128 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), dè nghị cân nhắc về nội dung bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra, xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do người đứng đầu chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, mà giao thẩm quyền này cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện và Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp việc thực hiện nhiệm vụ này.	Tại điểm d khoản 1 dè nghị bỏ cụm từ “như” sau cụm từ “thể thức”.	Dã bỏ nội dung này (không sửa đổi).
HBND tỉnh Vĩnh Long		- Tại điểm d khoản 1 dè nghị bỏ cụm từ “như” sau cụm từ “thể thức”.	Không tiếp thu để thể hiện rõ ý hon vì văn bản đó có thể thức chỉ “như” chứ không phải là văn bản QPPL.
16.6. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định)	STP tỉnh Nam Định	Về sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐCP (khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định) Dè nghị co quan soạn thảo sửa đoạn: “a) Số liệu văn bản do bộ, ngành, địa phương minh ban hành đã được tự kiểm tra và xử lý;...; đã xử lý theo thẩm quyền.” thành “a) Số liệu văn bản do bộ, ngành,	Tiếp thu.

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND tỉnh Kiên Giang	<p>địa phương minh bạch hành đã được tự kiểm tra và xử lý; văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền và thực tế đã kiểm tra; số văn bản đã phát hiện có nội dung trái pháp luật và yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản xem xét, xử lý; số văn bản đã được xử lý theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản; số văn bản đã xử lý theo thẩm quyền.” cho phù hợp</p> <p>Khoản 26 Điều 1: Đề nghị nghiên cứu viết lại nội dung “văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền và thực tế đã kiểm tra” thành “văn bản đã tiếp nhận kiểm tra theo thẩm quyền” cho phù hợp, vì thực tế cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phải kiểm tra tất cả các văn bản đã tiếp nhận.</p>	Triển thu.
		<p>16. Về Trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPPL (Khoản 27, 28 Điều 1 dự thảo nghị định)</p> <p>16.1. Về các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật (Khoản 27 Điều 1 dự thảo nghị định)</p>	
	Bộ TNMT, STP tỉnh Quảng Trị, STP Tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Lai Châu, STP tỉnh Nam Định, UBND tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu; UBND tỉnh Kiên Giang	<p>Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định : Đề nghị chỉnh sửa “khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” thành “khoản 4 Điều 181 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”.</p>	<p>Tiếp thu</p>
	UBND tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh Cà Mau, STP tỉnh Thanh Hoá, UBND tỉnh Quảng Bình,	<p>Đề nghị chuyển khoản 28 lên thành khoản 27 và ngược lại để phù hợp thứ tự các điều của Nghị định</p>	<p>Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa thành: sửa đổi, bổ sung</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
			TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Yên Bái	Dè nghị sửa tên khoản 27 Điều 1 Dự thảo thành “ <i>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 183 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</i> ” cho chính xác, vì Điều 184 không có khoản 4; sửa khoản 28 Điều 1 Dự thảo thành “ <i>Sửa đổi, bổ sung Điều 184...</i> ”, vì nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo thuộc Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không phải Điều 183.	Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa thành: sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 181 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
	UBND tỉnh Đăk Lăk	Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, dè nghị làm rõ cụm từ “tổ chức thi hành pháp luật” và “theo dõi thi hành pháp luật”	Nội dung về tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP)
Cục PBGDSL, Bộ Tư pháp	Bộ Công an	Dè nghị bổ sung thêm 01 khoản trước khoản 27 quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 181 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể là: “Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 181 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:	Nội dung này đã được tiếp thu bằng cách bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 184 như sau:
		“1. Hoạt động lập dè nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh gồm các hoạt động như: tổng kết việc thi hành pháp luật; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan; nghiên cứu khoa học, thông tin tư liệu, điều ước quốc tế, dịch tài liệu của nước ngoài ra tiếng Việt; xây dựng nội dung của chính sách; đánh giá tác động của chính sách; thực hiện truyền thông về chính sách và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; chính lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lập các loại danh	“1a. Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong dè nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được du luận xã hội và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, châm dứt quyền, nghĩa vụ

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THIẾT GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND tỉnh Lào Cai	<p>mục, chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.</p> <p>2. Hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như: tổ chức soạn thảo văn bản; tập hợp, rà soát, đánh giá văn bản có liên quan; đánh giá tác động của văn bản; thực hiện truyền thông về dự thảo văn bản và tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, chính lý, hoàn thiện văn bản”.</p> <p>Việc bổ sung neu trên nhằm tháo gỡ khó khăn về vấn đề kinh phí thực hiện truyền thông dự thảo chính sách cho cơ quan chủ trì soạn thảo; bảo đảm việc thực hiện quy định về truyền thông dự thảo chính sách có tính khả thi, chất lượng và hiệu quả.</p> <p>- Khoản 27 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: “4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như:...”. Tuy nhiên, tên Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân trong việc bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật”. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa tên điều và nội dung điều</p> <p>Khoản 27 Điều 1 của Dự thảo quy định như sau:</p> <p>“4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như:...”</p> <p>Tuy nhiên, các hoạt động được liệt kê tại dự thảo đã đầy đủ trong tổ chức thi hành pháp luật chứ không phải các hoạt động đại diện (ngoài các hoạt động này còn có các hoạt động khác). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại như sau: “Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật</p>	<p>mục, chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.</p> <p>2. Hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như: tổ chức soạn thảo văn bản; tập hợp, rà soát, đánh giá văn bản có liên quan; đánh giá tác động của văn bản; thực hiện truyền thông về dự thảo văn bản và tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, chính lý, hoàn thiện văn bản”.</p> <p>Việc bổ sung neu trên nhằm tháo gỡ khó khăn về vấn đề kinh phí thực hiện truyền thông dự thảo chính sách cho cơ quan chủ trì soạn thảo; bảo đảm việc thực hiện quy định về truyền thông dự thảo chính sách có tính khả thi, chất lượng và hiệu quả.</p> <p>- Khoản 27 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: “4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như:...”. Tuy nhiên, tên Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân trong việc bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật”. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa tên điều và nội dung điều</p> <p>Khoản 27 Điều 1 của Dự thảo quy định như sau:</p> <p>“4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như:...”</p> <p>Tuy nhiên, các hoạt động được liệt kê tại dự thảo đã đầy đủ trong tổ chức thi hành pháp luật chứ không phải các hoạt động đại diện (ngoài các hoạt động này còn có các hoạt động khác). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại như sau: “Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật</p>	của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.”
HĐND tỉnh Hòa Bình UBND tỉnh Hòa Bình	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>		

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		gồm: ...”	
16. 2. Về Trách nhiệm tổ chức thi hành VBQGPL (Khoản 28 Điều 1 dự thảo nghị định)		Khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 183 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp “ <i>ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</i> ”; theo đó, toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật đều bắt buộc phải ban hành kế hoạch tổ chức thi hành. Đề nghị cân nhắc kỹ quy định này bảo đảm phù hợp với tính chất của từng loại văn bản quy phạm pháp luật, nguồn lực, thực tiễn triển khai thi hành; theo đó, chỉ nên bắt buộc ban hành kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đối với những văn bản quy phạm pháp luật như luật, pháp luật, nghị quyết, nghị định có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực...; không nên quy định bắt buộc đối với văn bản quy phạm pháp luật chỉ điều chỉnh cụ thể trong một ngành, lĩnh vực như thông tư...	Tiếp thu một phần
Bộ Xây dựng		Đồng thời, tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc gộp nội dung “ <i>phổ biến văn bản quy phạm pháp luật</i> ” và “ <i>tập huấn văn bản quy phạm pháp luật</i> ” thành 01 khoản để cơ quan tổ chức thi hành pháp luật được chủ động lựa chọn triển khai “phổ biến” hay “tập huấn” hay cả 02 hình thức này tùy thuộc vào tính chất, nội dung của văn bản và thực tiễn triển khai thi hành.	
Bộ LĐTBXH		Tại khoản 28 Điều 1 có sử dụng cụm từ “ <i>UBND các cấp</i> ”, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định theo hướng đảm bảo tính thống nhất với Điều 184 Nghị định 34/2016/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi tên Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau: “ <i>Điều 184. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác xây dựng văn bản quy</i>

NHÓM VẤN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
			TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	HĐND tỉnh Hòa Bình	Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định nội dung theo dõi có: "Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật". Trong đó, các điều kiện bao đảm gồm hoạt động tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh khoản 2, khoản 4, khoản 6 Điều 183 được sửa đổi, bổ sung theo hướng: "Đảm bảo các điều kiện (tập huấn, phổ biến; cơ sở vật chất, kinh phí, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực) để thi hành văn bản quy phạm pháp luật".	phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật" Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hiện đã quy định đầy đủ các nội dung này
	Bộ Công an	Đề nghị chỉnh lý quy định bãi bỏ Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, vì các Thông tư liên tịch này đang được ban hành theo thẩm quyền của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ nên nếu chỉ bãi bỏ bởi Thông tư của Bộ hoặc cơ quan Bộ là chưa phù hợp; do đó, quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm sự thống nhất chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ và bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 165 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Dự thảo nghị định đưa ra 3 phương án xử lý đối với bãi bỏ hoặc thay thế Thông tư liên tịch, trong đó phương án thứ 3 đã quy định: <i>Trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trao đổi, thông nhất bằng văn bản, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành nghị định.</i>
	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc bổ sung trường hợp bãi bỏ Thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC, Viện trưởng Viện KSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ mà đơn vị chủ trì soạn thảo là bộ, cơ quan ngang bộ	Thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC, Viện trưởng Viện KSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ vẫn là một hình thức văn bản được

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TRÌP THU, GIẢI TRÌNH
NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TRÌP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Dự thảo Nghị định bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:</p> <p>“3. Việc bãi bỏ hoặc thay thế thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp cần bãi bỏ thông tư liên tịch, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành trao đổi, thông nhất bằng văn bản để ban hành thông tư liên tịch, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành trao đổi, thông nhất bằng văn bản để Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành thông tư thay thế. b) Trường hợp cần thay thế thông tư liên tịch, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành trao đổi, thông nhất bằng văn bản để Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành thông tư thay thế. c) Trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trao đổi, thống nhất bằng văn bản về việc báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành nghị định.”. <p>Việc bổ sung khoản 3 Điều 188 nói trên là cần thiết, tuy nhiên, đề nghị Quyết định xem xét lại tình huống cũng như giải pháp của điểm c khoản 3 trên đây. Tình huống của điểm c về cơ bản là giống với tình huống của điểm b, nhưng giải pháp thi không khả thi. Xử lý thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang bộ nhưng nếu đẩy lên xử lý ở cấp Chính phủ (ban hành nghị định) thì vừa sai thẩm quyền, vừa không phù hợp với xu</p>	<p>Quy định tại điểm c khoản 3 là phù hợp với khoản 2 điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>Quy định tại điểm c khoản 3 là phù hợp với khoản 2 điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>Quy định tại điểm c khoản 3 là phù hợp với khoản 2 điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hướng phân cấp, phân quyền hiện nay.</p> <p>Do đó, đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc bổ điểm c, rà soát bổ sung đầy đủ tình huống vào điểm b (nếu cần thiết), và giải pháp là ban hành các thông tư riêng rẽ của các bộ để xử lý.</p>	
Bộ Thông tin và Truyền thông	Cục BTNN, Bộ Tư pháp; Bộ KHCN	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định để xử lý đối với các thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày 01/7/2016 nhưng các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chưa "thống nhất" được hình thức xử lý theo 3 trường hợp đã bổ sung tại dự thảo Nghị định.</p>	<p>Đối với trường hợp các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chưa "thống nhất" được hình thức xử lý thì dự thảo Nghị định quy định xử lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 188 dự thảo Nghị định.</p>
HDND tỉnh Gia Lai		<p>Tại khoản 29 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị xem xét lại vì đây là trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ liên tịch thay căn phải xây dựng thành các thông tư riêng chứ không phải Nghị định</p> <p>Tại tên Điều 2, đề nghị bỏ nội dung: <i>ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>" nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154.</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã đưa ra 3 phương án xử lý trong đó có phương ban hành Thông tư riêng</p> <p>Triển thu</p>
UBND tỉnh Hòa Bình		<p>Đề nghị bổ sung thêm điểm c khoản 3 Điều 188 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi ND 154/2020/NĐ-CP) theo hướng: "Ban hành Nghị định chung giữa các ngành hay Nghị định riêng quy định cho từng ngành trong trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành thông tư mà không thể quy định trong một thông tư mà phải xây dựng thành các thông tư riêng."</p>	<p>Căn cứ vào nội dung của từng văn bản cụ thể, Chính phủ sẽ quyết định việc ban hành nghị định.</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
STP tỉnh Nam Định	UBND tỉnh Lào Cai	Tại khoản 43 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chỉ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn “Bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” thành “Bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:” cho phù hợp.	Tại khoản 43 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì về kỹ thuật khi sửa đổi, bổ sung vẫn phải quy định như tại dự thảo Nghị định
UBND tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Lào Cai	Tại khoản 29 Điều 1, đề nghị trình bày đầy đủ cụm từ thời gian ban hành “ngày 01 tháng 7 năm 2016” thay cho cụm từ “ngày 01/7/2016”.	Tiếp thu
18. Về điều 2 của dự thảo Nghị định	UBND tỉnh Lào Cai	- Điều 2 dự thảo: Tên khoản 1 quy định “Sửa đổi, bổ sung...”, tuy nhiên nội dung của khoản quy định “Sửa Mẫu số....”. Như vậy là chưa thống nhất giữa tên khoản và nội dung của khoản. Do đó, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.	Tiếp thu
HĐND tỉnh Gia Lai		Tại tên Điều 2, đề nghị bỏ nội dung: <i>ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i> nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154.	Tiếp thu
19. Về các Biểu mẫu	Bộ VHTTDL	Đề nghị bổ sung mẫu văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
	Bộ KHCN	Đề nghị bổ sung mẫu Báo cáo tổng kết thi hành văn bản quy phạm pháp luật để thông nhất trong quá trình thực hiện	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ Công Thương		Bổ sung quy định những nội dung bắt buộc và những nội dung không bắt buộc để đảm bảo tính linh hoạt trong thực tiễn thi hành	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ Ngoại giao		Mẫu số 01 Phụ lục V về Báo cáo đánh giá tác động chính sách, bổ sung mục " <i>Đánh giá khả năng thi hành, tính tương thích của nội dung chính sách đối với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i> "	
Bộ Ngoại giao		Đề nghị bổ sung thêm 01 biểu mẫu: <i>Mẫu số 15. Báo cáo về Rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</i> (kèm theo CV của Bộ Ngoại giao)	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HĐND Quảng Nam		Đề nghị bổ sung biểu mẫu văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết vào Điều 2 Dự thảo Nghị định để thực hiện đồng bộ, thống nhất trên phạm vi cả nước.	Điểm c khoản 3 điều 117 quy định về Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 27 của Luật này bao gồm... Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 của Luật này. Như vậy, Luật đã quy định hình thức văn bản thông qua chính sách là quyết định. Hình thức quyết định hành chính đã được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 về công tác văn thư
Bộ NN&PTNT	Tại khoản 2 Điều 154 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Cân nhắc bổ quy định lập Sổ theo dõi văn bản được rà soát theo mẫu số 02 Phụ lục IV. Về mẫu số 13. Đề nghị làm rõ mục tiêu của việc rà soát là để	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xây dựng dự án, dự thảo hay đề đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành, từ đó xây dựng phụ lục cho phù hợp.	
Cục ĐK QGGDBD		<ul style="list-style-type: none"> - Tại Mẫu số 01 Phụ lục 1 về “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách”, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đã lược bỏ một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (cụ thể là Phần „..: Lấy ý kiến; Phần , V. Giảm sít và di nh gi). Về vấn đề này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận về sự cần thiết phải bỏ bớt một số nội dung so với mẫu đã được quy định trước đây tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP - Tại Mẫu số 12 Phụ lục 1 về “Báo cáo về lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”, ở mục 1 về “Việc thực hiện Báo cáo lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo VBQPPPL” và tiêu mục 2.2 về “Tổng quan về vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo VBQPPPL”, nội dung của hai phần này có thể có sự trùng lặp, không cần thiết phải tách riêng thành hai mục riêng lẻ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét rà soát lại các nội dung trong mẫu Báo cáo, tránh sự đan trại, trùng lặp. 	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HNND tỉnh Lâm Đồng UBND tỉnh Lâm Đồng, HNND tỉnh Đăk Nông		Dè nghị bổ sung mẫu VBQPPPL về bãi bỏ một phần và bổ sung quy định mới cho phù hợp vì trong quá trình triển khai tại địa phương có phát sinh các VBQPPPL cần bãi bỏ một phần, đồng thời cần bổ sung quy định mới trong cùng một VBQPPPL đó.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HNND tỉnh Lâm Đồng		Mẫu số 42: Tại Điều 1 của Mẫu số 42, đề nghị sửa nội dung Điều 1 cho phù hợp tránh sự trùng lắp. Vì trong trường hợp tiêu đề trùng với nội dung quy định thì việc quy định này lặp lại là không cần thiết.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HNND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Mẫu số 15: đề nghị bổ sung “Quyền hạn, chức vụ người ký” hoặc quy định đóng dấu treo khi phát hành để đảm bảo cơ sở pháp lý trong công tác lưu trữ hồ sơ	Tiếp thu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND Sóc Trăng	UBND tỉnh Bạc Liêu, UBND tỉnh Bà rịa - Vũng Tàu	Kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung thêm các Biểu mẫu như sau: Mẫu tờ trình đề nghị xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Mẫu báo cáo thẩm định; Mẫu Quyết định thông qua chính sách để thực hiện thống nhất trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Vĩnh Long	UBND Ninh Thuận	Đề nghị bổ sung vào cuối nội dung điểm a khoản 1 điều này cụm từ “Kèm theo Mẫu số 42”, vào cuối nội dung điểm b khoản 1 Điều này cụm từ “ Kèm theo Mẫu số 0 I và Mẫu số 02”. Đồng thời, đề nghị bỏ cụm từ “Phụ lục 1” tại Mẫu số 42 vì dự thảo Nghị định không ban hành kèm theo Phụ lục	Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định hiện đã quy định cụ thể, rõ ràng
UBND tỉnh Sơn La	HĐND tỉnh Hải Dương	Tại các mẫu báo cáo kèm theo dự thảo Nghị định: Đề nghị xác định rõ hơn các mẫu báo cáo này do cơ quan trình ký văn bản hay cơ quan tham mưu cho cơ quan tham mưu cho cơ quan trình ký văn bản.	Thẩm quyền ký các Báo cáo đã được quy định rõ tại Nội dung số 34/2016/NĐ-CP
		Đề nghị BTP xem xét bổ sung tại phần cuối của mẫu Nghị quyết ban hành kèm theo dự thảo ND đối với các Nghị quyết quy phạm pháp luật thực hiện trong giai đoạn ghi như sau: “ <i>Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh... thông qua ngày... tháng... năm..., có hiệu lực từ ngày... và hết hiệu lực từ ngày 31/12/ năm cuối cùng của giai đoạn</i> ” để không phải thực hiện quy trình ban hành một nghị quyết QPPL chỉ để bãi bỏ một nghị quyết về giai đoạn khi không tiếp tục triển khai thực hiện nữa.	Tùy từng trường hợp cụ thể, VBQPPL có thể quy định thời điểm hết hiệu lực tại chính VBQPPL đó.
		Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể hình thức, nội dung văn bản	Biểu c khoản 3 điều 117 quy định về

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TRÍP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền theo điểm c khoản 3 Điều 117 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tránh nhầm lẫn với quyết định ban hành chính sách của cơ quan có thẩm quyền</p>	<p>Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 27 của Luật này bao gồm...Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 của Luật này. Như vậy, Luật đã quy định hình thức văn bản thông qua chính sách là quyết định. Hình thức quyết định hành chính đã được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 về công tác văn thư</p>
HĐND tỉnh Hải Dương		<p>Nghị định hiện hành đã quy định các mẫu Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đề nghị bổ sung quy định mẫu Nghị quyết thay thế của Hội đồng nhân dân.</p>	<p>Mẫu Nghị quyết thay thế chính là Nghị quyết ban hành mới và đã quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</p>
STP tỉnh Quảng Trị		<p>Đề nghị bổ sung mẫu quy định một văn bản để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và thống nhất trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã có quy định về mẫu này.</p>
STP tỉnh Quảng Trị		<p>Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung mẫu số 36, 37 phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Lý do: Cần thống nhất cách trình bày tên gọi của văn bản khi sửa đổi, bổ sung Quy chế/Quy định ban hành kèm theo nghị quyết, quyết định cho phù hợp, đồng thời tránh lặp lại tên gọi của văn bản.</p> <p>Ví dụ: Tại Mẫu số 36, tên gọi của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định/Quy chế được hiểu là ghi rõ tên gọi của Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết. Tuy nhiên, tại Mẫu số 37 tại tên gọi của Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều</p>	<p>Cách thiết kế mẫu số 36 và 37 Phụ lục I đã thống nhất</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
HĐND tỉnh Quảng Ngãi		của Quy định/ Quy chế không quy định ghi rõ tên gọi của Quy định/Quy chế...	
HDND tỉnh Điện Biên		<p>Đề nghị sửa Mẫu số 36 đoạn “Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày...” thành “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ... khoá ... kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm” để phù hợp với Mẫu số 16 và Mẫu số 42</p> <p>- Đề nghị sửa mẫu số 36. Nghị quyết của HDND các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ ban hành Quy định/Quy chế...) tại Phụ lục I. Bổ khoản 1 của Điều khoản thi hành, bổ sung cụm từ và diễn đạt lại như sau:</p> <p>“Điều...Điều khoản thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy định chuyển tiếp (nếu có)... 2. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có)... <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân...(1)...Khóa...Kỳ họp thứ...tháng...năm qua ngày...tháng...năm...và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm”.</p> <p>- Tại các mẫu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, trong phần căn cứ ban hành “...Báo cáo thẩm tra của...” đề nghị sửa lại như sau: “...Báo cáo thẩm tra số...ngày...tháng...năm...của ...”</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
STP tỉnh Thái Nguyên		<p>Đề nghị bổ sung Mẫu văn bản QPPL mới ban hành kèm theo với sửa đổi, bổ sung bối bối văn bản QPPL khác.</p> <p>Về tên văn bản sửa đổi, bổ sung: không nhất thiết ghi là sửa đổi, bổ sung một số điều mà chỉ ghi chung: sửa đổi, bổ sung + tên văn bản QPPL; vì nhiều văn bản chỉ sửa đổi 1 điều hoặc 1 khoản, vì vậy mẫu ghi là sửa đổi, bổ sung một số điều trong trường hợp này sẽ không phù hợp.</p> <p>Rà soát một số mẫu đã ban hành để đảm bảo tính thống nhất.</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
STP tỉnh Thanh Hoá		Dè nghị quy định mẫu dự thảo VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn để phân biệt với các VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục thông thường	
STP tỉnh Nam Định		Tại mẫu số 42 Phụ lục I. Dè nghị bỏ cùm từ “tổn bộ” tại Điều 1 - Tại mẫu số 36: Bỏ dấu ba chấm sau cụm từ “Quy định/Quy chế” trong nội dung “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế...ban hành kèm theo Nghị quyết ...” nhằm đảm bảo tính ngắn gọn của văn bản, không lặp lại tên gọi của Quy định/Quy chế, Sửa số thứ tự (4) phần Ghi chú thành “Số, ký hiệu, tên gọi của Nghị quyết”. - Dè nghị chỉnh sửa tương tự các ý kiến góp ý nêu trên đối với Mẫu số 37; Bỏ dấu (:) cuối tên của Điều 1; - Đối với mẫu nghị quyết của HĐND bãi bỏ Nghị quyết/ các Nghị quyết của HĐND cùng cấp (Mẫu số 42) - Tại phần trình bày tên gọi của nghị quyết dè nghị sửa như sau: “ Bãi bỏ Nghị quyết (4)các Nghị quyết của HĐND...(1)... ” Tương tự, dè nghị chỉnh sửa tại Điều 1, Điều 2 bao đảm nội dung mẫu được thống nhất.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HDND tỉnh Gia Lai		- Tại số thứ tự (4) phần ghi chú, theo khoản 1 Điều 60 Nghị định số 34 quy định tên văn bản gồm tên loại và tên gọi của văn bản. Do đó, dè nghị xây dựng nội dung đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật.	VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn chỉ rút ngắn về thời gian và quy trình, còn nội dung và mẫu vẫn như các văn bản khác.
UBND tỉnh Đồng Nai		- Tại khoản 1 Điều 2, dè nghị bổ sung nội dung sửa đổi Mẫu số 44 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154 theo hướng bổ cụm từ “Ban hành” tại phần giải thích (đoạn in nghiêng) cho thống nhất với phần giải thích của các mẫu ban hành kèm theo - Dè nghị trình bày số thứ tự Phụ lục bằng chữ La Mã, đánh số trang riêng giữa Phụ lục và nội dung Nghị định	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈM GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND tỉnh Quảng Bình	Đè nghị chính sửa biều mẫu Nghị quyết/Quyết định bối bối văn bản tại mẫu số 42, 43 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154 trong trường hợp bối bối toàn bộ 01 văn bản thì tại Điều 1 chỉ cần nêu tên điều, không cần lặp lại nội dung của điều. Đồng thời, đè nghị bổ sung điều khoản trách nhiệm tổ chức thi hành vào 02 biều mẫu nêu trên	Đè nghị chính sửa biều mẫu Nghị quyết/Quyết định bối bối văn bản tại mẫu số 42, 43 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154 trong trường hợp bối bối toàn bộ 01 văn bản thì tại Điều 1 chỉ cần nêu tên điều, không cần lặp lại nội dung của điều. Đồng thời, đè nghị bổ sung điều khoản trách nhiệm tổ chức thi hành vào 02 biều mẫu nêu trên	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Quảng Bình	Tại các biều mẫu 17,18,19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154, các Điều đều không quy định tên Điều là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154). Vì vậy, đè nghị chỉnh sửa cho thông nhất.	Tại các biều mẫu 17,18,19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154, các Điều đều không quy định tên Điều là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154). Vì vậy, đè nghị chỉnh sửa cho thông nhất.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
	19. Về kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Phần cẩn cứ ban hành văn bản: Đè nghị trình bày các cẩn cứ pháp lý phù hợp với Mục 5 Phần V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP: “Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản”. 	Tiếp thu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị trình bày nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với khoản 4 Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đúng...” - Đề nghị trình bày bô cục dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP 	
HĐND tỉnh Lai Châu	UBND tỉnh Lai Châu	<p>Điều 1 của dự thảo có tên như sau: “<i>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ ... và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ...</i>”. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa tên gọi Điều 1 thành “<i>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ ... đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ...</i>” cho chính xác hơn và phù hợp với nội dung của Điều 1.</p>	Tên điều 1 dự thảo Nghị định cần ghi đầy đủ tên Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP
HĐND tỉnh Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	<p>Khoản 1 Điều 2 dự thảo ND: Đề nghị bỏ từ “Sửa” trước từ “Mẫu” tại điểm a và b cho thống nhất với cách trình bày tại các điểm a, b, c khoản 2 dự thảo ND</p> <p>Đề nghị bổ sung hướng dẫn về kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật (Chương V của Nghị định) liên quan đến ký hiệu các quy định nhỏ hơn điểm (ví dụ như: tiết, nhỏ hơn tiết...) để áp dụng thống nhất.</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ KHCN	UBND TP Hải Phòng	<p>Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo: Các quy định tại dự thảo có nội dung liên quan về “... quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân...” (khoản 4, 10 Điều 1) đề nghị bổ sung quy định như sau cho rõ ràng “... quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp...”.</p>	Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nội dung này
		Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Hiến pháp. Hiến pháp là đạo luật cao nhất nên việc tuân thủ Hiến pháp là bắt buộc.	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Khoản 3 Điều 1: Việc bổ cục quy định về: “Bãi bỏ điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP” tại khoản này là chưa phù hợp với Mẫu số 28. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp) của Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị bổ cục nội dung quy định về việc bãi bỏ thành một điều riêng trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Khoản 5 Điều 1: Cách trình bày điều, khoản được sửa đổi, bổ sung trong nội dung khoản này theo hướng trình bày tắt (cụ thể: “khoản 3, 4 và khoản 6”) là chưa có sự thống nhất về cách trình bày điều, khoản được sửa đổi, bổ sung tại một số điểm trong nội dung Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, cụ thể là tại khoản 8 Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung trình bày đầy đủ là “khoản 2 và khoản 4”. Vì vậy, đề nghị rà soát và có sự thống nhất trong cách trình bày đối với toàn dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Khoản 22 Điều 1: Trong nội dung của khoản này chưa có sự thống nhất trong cách sử dụng dấu câu. Cụ thể là tại tên của khoản 1 Điều 106 (sửa đổi, bổ sung) không có dấu “.” để kết thúc tên của khoản, nhưng tại các khoản khác của Điều 106 lại kết thúc tên của các khoản bằng dấu “;”, đề nghị rà soát và có sự điều chỉnh tương tự đối với toàn dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Khoản 25 Điều 1: khoản này chỉ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 128 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó, đề nghị không lặp lại khoản 1, cụ thể là không trình bày cụm từ “1. Thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản” vào nội dung tại Khoản này.</p>	<p>Tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Đề nghị sửa đổi, bổ</p>	<p>Triển thu</p>
HĐND tỉnh Quảng			<p>Việc Ban hành VBQPPL phải căn cứ</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
		TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
Ngã, UBND thành phố Hải Phòng, HĐND tỉnh Tây Ninh, HĐND tỉnh Bạc Liêu	Sung theo hướng bổ sung căn cứ ban hành bao gồm các VB cá biệt của trung ương để địa phương có cơ sở thực hiện.	Khoản 5 Điều 1 dự thảo quy định: “5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 và khoản 6, bổ sung khoản 7 vào Điều 10 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:...”	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu vào VBQPL, không thể căn cứ vào các văn bản cá biệt được.
Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Thái Nguyên	Tuy nhiên Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chỉ sửa đổi, bổ sung duy nhất khoản 6 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP nên cách viết như dự thảo là chưa chính xác; về góp ý này đề nghị rà soát toàn bộ trong dự thảo các quy phạm tương tự nếu chung ý “được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”, nếu trên thực tế không có thì đề nghị tách riêng những điều, khoản của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và tiếp tục sửa đổi bổ sung tại dự thảo này với những điều, khoản của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chỉ được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo này.	Về tên Điều 1: theo quy định của khoản 1 Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP) về kỹ thuật viện dẫn văn bản cho những lần sau (và quy định dự kiến sửa đổi ngay tại dự thảo) thì việc chú thích tại phần tiêu đề của Điều 1 dự thảo là không cần thiết, ko phù hợp với quy định.	Triển thu
	Cách ghi tại dự thảo chưa rõ các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP mà theo quy định về kỹ thuật xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung thì phải ghi rõ nội dung được sửa đổi, bổ sung.	Ví dụ: dự thảo quy định: “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ Công thương, STP tỉnh Thanh Hoá	<p>Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:...”</p> <p>Đề nghị rà soát để ghi rõ các điều, khoản, điểm được sửa đổi bổ sung, đảm bảo phù hợp với phần tên của dự thảo.</p>	<p>Khoản 3 Điều 1 quy định về việc bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP là chưa phù hợp với tiêu đề. Đề nghị bổ cục các nội dung bãi bỏ vào một điều riêng</p> <p>Bổ cục, cách trình bày Dự thảo chưa phù hợp với quy định tại Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Bổ cục của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản); mẫu 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (mẫu Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều - quy định trực tiếp). Theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì “<i>Tùy theo nội dung, văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản có thể bổ cục thành các Điều khác nhau, mỗi Điều chứa đựng nội dung được sửa đổi, bổ sung của một văn bản</i>, trừ Điều quy định về trách nhiệm, tổ chức thực hiện, thời điểm có hiệu lực của chính văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản đó. <i>Nội dung các Điều, Khoản của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản phải xác định rõ tên văn bản, Điều, Khoản, điểm của các văn bản liên quan được sửa đổi, bổ sung. Tên Điều của văn bản là quy định chỉ dẫn việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế của từng văn bản cụ thể</i>”. Ví dụ: Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, do đó khi sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP phải đồng thời sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Trường hợp không cần thiết phải sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thì phải bãi bỏ.</p>	Tiếp thu
UBND tỉnh Đăk Lăk	Tại tên Điều 1: Đề nghị bỏ các nội dung “sau đây gọi là Nghị	UBND tỉnh Đăk Lăk	Tiếp thu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>20. Một số nội dung khác</p> <p>Kiểm toán Nhà nước</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 Nghị định 34/2016/NĐ-CP theo hướng: "1. Thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của Luật"</p> <p>Theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định <i>dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</i>; nội dung thẩm định bao gồm: <i>sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; việc tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.</i></p> <p>Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định <i>tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư</i> trước khi trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nội dung thẩm định bao gồm: <i>sự cần thiết ban hành thông tư; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của thông tư; sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thông nhât của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự</i></p>	<p><i>định số 34/2016/NĐ-CP"; "sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP" cho ngắn gọn, phù hợp hơn, vì theo Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP) thì trong lần viễn dẫn tiếp theo đổi với Nghị định, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó. Do đó, không cần chú thích gọi tắt thì các văn bản này vẫn mặc nhiên được gọi tắt như trên.</i></p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈM GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép văn đề bình đẳng giới trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành thông tư; ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.</i></p> <p>Hiện nay, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành dưới hình thức Thông tư. Theo đó, việc thẩm định đối với Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vừa phải đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vừa phải tuân thủ quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định rõ tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan chủ trì soạn thảo hay tổ chức pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan chủ trì soạn thảo thẩm định thì sẽ có 02 văn bản thẩm định; trong khi, nội dung thẩm định dự thảo thông tư và nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có nhiều nội dung tương đồng.</p> <p>Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung làm rõ trong dự thảo Nghị định về thẩm quyền thẩm định đối với dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng: <i>đối với dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thẩm định đồng thời với việc Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.</i></p>	
Bộ KHCN	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tiêu chí xác định đối tượng là chuyên gia, nhà khoa học tham gia hội đồng tư vấn thẩm định dự án/dự thảo/hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy		Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG
			TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bộ Công thương		phạm pháp luật để thuận lợi trong thực tiễn áp dụng.	Khoản 3 Điều 167 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định về việc kiểm tra lại kết quả rà soát và rà soát bổ sung trong quá trình thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL.
Bộ Công an	Cân nhắc sửa đổi, bổ sung Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Thứ tự sắp xếp cù ban hành văn bản, thứ tự sắp xếp đối với trường hợp cùng là văn bản quy định nội dung, cơ sở ban hành văn bản; thứ tự sắp xếp đối với văn bản quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành; thứ tự sắp xếp các văn bản có cùng cấp bậc hiệu lực pháp lý (sắp xếp theo thời gian được ban hành); quy định cụ thể kỹ thuật trình bày văn bản được sửa đổi, bổ sung làm căn cứ ban hành văn bản.	Bổ sung các quy định liên quan đến kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; cụ thể là thiết kế thành 01 Chương riêng bên cạnh Chương về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (Chương VIII) của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2020) hoặc 01 mục trong Chương về Kiểm tra văn bản nói chung (đã được trao đổi tại Công văn số 2210/BCA-V03 ngày 06/7/2023 của Bộ Công an).	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu.
Bộ Công an	Bổ sung các quy định về quy trình, thủ tục, hồ sơ của việc xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành VBQGPL.	Việc xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành VBQGPL theo quy trình chung của việc xây dựng nghị định và có một số quy định riêng và đã	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Bổ quy định “không quá ½ số thành viên là các chuyên gia của cơ quan chủ trì soạn thảo”, vì thực tiễn có văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị trực thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo mà cần phải có đại diện của các đơn vị này trong Ban soạn thảo, Tổ biên tập nên giới hạn không quá ½ số thành viên thì không thể có đầy đủ đại diện của các đơn vị có liên quan tham gia xây dựng dự thảo văn bản.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu VBQPPL.
Bộ Công an		Rà soát, sửa đổi các quy định về cơ quan nhà nước cấp trên để xác định rõ là những cơ quan nào, không quy định tùy nghi, hiểu theo nhiều nghĩa.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ NN&PTNT		Đề nghị bổ sung điểm c vào khoản 1 Điều 143 Nghị định 34/2016/NĐ-CP như sau: Đối với trường hợp một phần VBQPPL bị bãi bỏ, phần còn lại của văn bản chưa bị bãi bỏ. Vậy, khi bãi bỏ phần còn lại của văn bản đó sẽ thực hiện bãi bỏ toàn bộ văn bản đó hay chỉ thực hiện bãi bỏ một phần còn lại của văn bản, sau đó công bố hết hiệu lực toàn bộ văn bản?	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ NN&PTNT		Tại Điều 151 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Đề nghị xem xét bỏ quy định lập Phiếu rà soát văn bản, mà thực hiện rà soát theo biểu mẫu Bảng rà soát như rà soát theo chuyên đề thời gian vừa qua.	Không tiếp thu. Phiếu rà soát văn bản được lập để phục vụ việc rà soát với từng văn bản cụ thể (khi phát sinh cản cứ rà soát) của người thực hiện rà soát văn bản. Bảng rà soát như rà soát theo chuyên đề thời gian vừa qua là bảng tổng hợp kết quả rà soát (gồm nhiều văn bản) của bộ, ngành, địa phương báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, việc bổ phiếu rà soát văn bản tại thời điểm hiện nay chưa

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Dè nghị cho phép ban hành thông tư thay thế thông tư có quy định TTHC đã được ban hành trước ngày 01/7/2016 nhưng đảm bảo nguyên tắc không làm phát sinh thủ tục hành chính mới hoặc quy định thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, tăng thời gian giải quyết TTHC đang áp dụng.	Khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL nghiêm cấm <i>Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trưởng hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này</i> . Nên trường hợp thủ tục hành chính được luât, nghị quyết của Quốc hội giao thì vẫn được quy định trong Thông tư
Bộ NN&PTNT	Dối với các Nghị định đã được Thủ tướng Chính phủ giao: (1) có phải lập đề nghị không? (2) trường hợp phải lập đề nghị thì cần hướng dẫn rõ ở trong dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung	Điều 84 Luật Ban hành VBQPPL đã quy định trường hợp đề nghị xây dựng nghị định	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
Bộ NN&PTNT	Quy định rõ trường hợp nào cần thẩm định lại/ lấy lại ý kiến của các tổ chức, cá nhân đối với dự án, dự thảo. Quy định rõ vai trò, trách nhiệm của bộ, ngành ở giai đoạn đã gửi dự án luật sang Quốc hội mà các Bộ phát biểu khác với dự thảo mà Chính phủ đã trình Quốc hội.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
Cục BKQG GDBD	Tại các khoản của Điều 1, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung sử dụng nhiều làn cum từ “Trường hợp cần thiết” (Ví dụ:	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>“Trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp có thể tổ chức họp...để lấy ý kiến” tại khoản 6; “Trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn tham định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn tham định có sự tham gia của đại diện Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học” tại điểm a khoản 7; “Trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn tham định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn tham định có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học” tại điểm b khoản 7). Theo các quy định trên, dự thảo Nghị định đang quy định “trường hợp cần thiết” là điều kiện để Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tổ chức họp lấy ý kiến, họp tư vấn tham định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn tham định. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn cũng như cách hiểu thông nhất thế nào là “trường hợp cần thiết”. Điều này có thể dẫn đến việc tùy tiện trong áp dụng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét cụ thể hóa các quy định nêu trên.</p>	
HDND tỉnh Hà Nam	Quy định hiệu lực trở về trước: đề nghị bổ sung, hướng dẫn rõ thế nào là có hiệu lực trở về trước để áp dụng trong thực tiễn cho phù hợp.		Việc quy định hiệu lực trở về trước đã được quy định tại điều 152 Luật Ban hành VBQGPL
HDND tỉnh Hà Nam	Hướng dẫn cách xác định các trường hợp cần thiết được quy định TTHC trong nghị quyết của HDND tỉnh ban hành theo khoản 4 Điều 27 của Luật BVQGPL, tránh lạm dụng việc ban hành TTHC trong nghị quyết của HDND tỉnh.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
HDND tỉnh Hà Nam	Về ngày có hiệu lực: đề nghị hướng dẫn việc lựa chọn ngày có hiệu lực của văn bản trường hợp nào tính từ ngày thông qua và trường hợp nào tính từ ngày ban hành.	Đối với cơ quan nhà nước ở Trung ương: Ngày thông qua được tính đổi với VBQGPL do Quốc hội thông qua. Ngày Ban hành được tính đổi với các VBQGPL còn lại. Đối với cơ quan nhà nước ở địa phương: Ngày thông qua được áp	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			dụng đổi với Nghị quyết của HĐND. Ngày ban hành áp dụng đối với quyết định của UBND.
UBND tỉnh Lai Châu		Khoản 3 Điều 1 của dự thảo có nội dung “ <i>Bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</i> ”, nội dung này không phù hợp với tên gọi của Điều 1 vì tên gọi của Điều 1 là “ <i>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP...</i> ”, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp	Tiếp thu
UBND tỉnh Hải Dương		Đề nghị sửa khoản 2 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: vì nội dung khoản này chỉ quy định trách nhiệm của cơ quan trung ương, không quy định trách nhiệm của cơ quan ở địa phương. Trong khi địa phương cũng có thẩm quyền ban hành VBQPPL (quy định như tại khoản 2 có thể dẫn đến cách hiểu việc ban hành VBQPPL của địa phương cũng cần có sự tham gia của BTP và VPCP)	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Hải Dương		Khoản 6 Điều 49: Đối với VBQPPL của địa phương thì tùy theo từng nội dung, phạm vi điều chỉnh mà đối tượng lấy ý kiến khác nhau. Việc quy định cứng về sự tham gia của “các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan” là không phù hợp.	Khoản 6 Điều 49 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định “các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan ” tức là chỉ trong trường hợp có liên quan mới mời tham gia chứ không phải quy định cứng mọi trường hợp đều tham gia.
UBND tỉnh Hải Dương		Đề nghị bổ sung: - Biện pháp xử lý đối với các VB không chứa QPPL nhưng được ban hành dưới hình thức VBQPPL - Bổ sung làm rõ căn cứ, cơ sở nhận diện VBQPPL của địa phương quy định tại Điều 27, 28 Luật BHYTQPPL - Làm rõ các trường hợp ban hành VB theo trình tự, thủ tục rút	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>gọn quy định tại Điều 147 Luật BVQGPL.</p> <p>- Bổ sung mẫu báo cáo thâm định vào PL V để đảm bảo thông nhất về bối cảnh, nội dung.</p>	<p>Khoản 1 Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh”. Quy định như vậy là chưa chặt chẽ bởi theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh không phải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. Như vậy, theo quy định tại Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hai cơ quan trên không được quyền đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh. Lĩnh vực quốc phòng và an ninh là các lĩnh vực lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đảm bảo trật tự an toàn xã hội tại mỗi địa phương, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh để quản lý nhà nước là vô cùng cần thiết. Việc lập đề nghị xây dựng văn bản về hai lĩnh vực trên do cơ quan nào thực hiện thì chưa có quy định. Do vậy, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP cần thiết phải quy định cụ thể nội dung này để đảm bảo hướng dẫn chặt chẽ Điều 127 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>
UBND TP Hải Phòng	Đề nghị quy định rõ việc tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách tại khoản 1 Điều 10	Việc xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản cản cứ	Việc quy định cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị xây dựng VBQGPL được quy định tại Luật Ban hành VBQGPL, do vậy Nghị định không thể quy định khác. Luật được.

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND TP Hải Phòng	Theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì thẩm quyền công bố danh mục văn bản hết hiệu lực là UBND các cấp hoặc thường trực HĐND, HĐND cùng cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi ND 154) thì "...Chủ tịch UBND các cấp ban hành VB hành chính công bố danh mục...", theo đó thẩm quyền công bố danh mục của địa phương là Chủ tịch UBND các cấp và chỉ thực hiện định kỳ hàng năm. Như vậy quy định về thẩm quyền công bố danh mục chưa thống nhất, đề nghị giữ quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi ND 154), xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cho thống nhất.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu vào nội dung từng văn bản cụ thể.
	UBND TP Hải Phòng	Khoản 2 Điều 64 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và PL ban hành kèm theo ND 154 chưa thống nhất. Đề nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 64 để bảo đảm thống nhất	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi nội dung này
	UBND TP Hải Phòng	Đề nghị sửa khoản 2 Điều 77 để tránh việc tên của văn bản sửa đổi bổ sung quá dài, trùng lắp trong quá trình viễn dẫn	Không tiếp thu
UBND TP Hải Phòng, UBND tỉnh Quảng Bình, STP tỉnh Quảng Trị	UBND TP Hải Phòng	Đề nghị kéo dài thời hạn xử lý văn bản tại Điều 125 để đảm bảo đủ thời gian thực hiện theo quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL	Cơ quan ban hành văn bản có thể áp dụng khoản 4 Điều 146 Luật Ban hành văn bản QPPL để xử lý văn bản trái pháp luật bảo đảm tính kịp thời trong xử lý văn bản trái pháp luật.
	UBND TP Hải Phòng	Bổ sung quy định TH trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý NQ đặc thù của HĐND nếu có sự thay đổi lớn về chính sách so với chính sách đã được thông qua thì xử lý như thế nào? Nội dung thành phần nào của chính sách sẽ phải thông qua cụ thể? Xử lý	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khi các nội dung, thành phần này có điều chỉnh.	
UBND TP Hải Phòng		Bổ sung quy định xử lý trong trường hợp pháp luật giao Chính phủ, bộ ban hành văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết nhưng chưa quy định thì địa phương có được ban hành theo quy định tại Điều 27, 28 của Luật ko? Đề nghị làm rõ nội hàm khoản 3 Điều 28 trong trường hợp này.	Không tiếp thu
UBND TP Hải Phòng		Đề nghị rà soát, chỉnh lý từ “ngày” thành “ngày làm việc” để thống nhất quy định về thời hạn.	Không tiếp thu
UBND tỉnh Lâm Đồng		Phản tên gọi, đề nghị bổ sung đường kẻ ngang, nét liền phía dưới phản tên gọi cho phù hợp với Mẫu số 28 Phụ lục I	Tiếp thu
UBND tỉnh Lâm Đồng		Đề nghị xem lại quy định tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi ND 154) vì trên thực tiễn số lượng cấp xã ban hành VBQGPL không nhiều. Do đó, chính lý thời gian công bố danh mục VB hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đối với cấp xã là 05 năm cho phù hợp với số lượng VB ban hành trên thực tiễn.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HBND thành phố Cần Thơ		Tại khoản 2 Điều 52 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “2. Báo cáo thẩm định kết luận và nêu rõ ý kiến về dự thảo dù điều kiện hoặc không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp kết luận dự thảo không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải nêu rõ lý do trong báo cáo thẩm định”.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HBND tỉnh Bạc Liêu		- Đề nghị bổ sung quy định thành lập Ban soạn thảo đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HBND và UBND tỉnh - Tại khoản 3 Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể đối với định chính quyết định của UBND tỉnh thì do UBND tỉnh hay giao cho Chủ	Luật Ban hành VBQGPL không quy định trường hợp thành lập Ban soạn thảo đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HBND và UBND tỉnh nên dự thảo Nghị định không hướng dẫn được

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tịch UBND tỉnh thực hiện.		
HĐND tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị bổ sung tổng thời gian dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không được sớm hơn bao nhiêu ngày đối với trường hợp rút gọn	<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm d khoản 5 Điều 62 của ND số 34 quy định “ Số thứ tự các khoản trong mỗi mục”. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ này là chưa rõ, theo quy định về bố cục văn bản thì khoản thuộc điều. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh thành “ Số thứ tự các khoản trong mỗi điều”. - Theo Mẫu số 44 của Phụ lục I ban hành kèm theo ND số 154 thì phía dưới tên của “Phụ lục” là cụm từ “ Ban hành kèm theo... ”. Tuy nhiên, tại các Phụ lục ban hành kèm theo ND số 154 đều không có cụm từ “ Ban hành” mà được trình bày bằng cụm từ “Kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.. của Chính phủ”. Do chưa có sự thống nhất, nên trong công tác thẩm định, góp ý ở địa phương chưa có cơ sở để góp ý đối với lỗi kỹ thuật có liên quan. - Tại mục 1 Phần I của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP không quy định trường hợp viết hoa sau dấu “.”, tuy nhiên ngay trong nội dung của Phụ lục thì lại viết hoa sau dấu “.”. Vấn đề này tại địa phương cũng chưa thực hiện thống nhất vì không có cơ sở thuyết phục để thực hiện. 	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p> <p>Không tiếp thu</p>
STP tỉnh Sơn La	Tại Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo Nghị quyết, Quyết định do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Tuy nhiên, Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chỉ quy định việc thẩm định đối với dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực mà chưa quy định cụ thể việc thẩm định đối với dự thảo văn bản do Phòng Tư pháp chủ trì soạn thảo (tại khoản 1 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	HĐND tỉnh Hải Dương	<p>Đề nghị hướng dẫn cụ thể để phân biệt các thời điểm hiệu lực trong văn bản quy phạm pháp luật: 01 loại hiệu lực của văn bản, 01 loại hiệu lực thi hành các chính sách trong văn bản.</p> <p>Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ thẩm định dự thảo VBQPPL. Tuy nhiên, tại điểm b, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định nhiệm vụ của công chức Tư pháp – hộ tịch “giúp UBND cấp xã thẩm định việc soạn thảo, ban hành các văn bản theo quy định của pháp luật; giúp UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với VBQPPL theo kế hoạch của UBND cấp xã và hướng dẫn của cơ quan cấp trên”. Vì vậy, đề nghị xem xét quy định cho thống nhất.</p>	<p>Không tiếp thu</p> <p>Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành quy định chung, không quy định cá nhân cụ thể. Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định cụ thể về cá nhân, do vậy không màu thuẫn</p>
	STP tỉnh Cao Bằng	<p>Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về thẩm định đối với trường hợp Phòng Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo VBQPPL, cụ thể “đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Phòng Tư pháp chủ trì soạn thảo thì trước khi tiến hành thẩm định, Phòng Tư pháp có thể tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của các cơ quan ban ngành, chuyên gia, nhà khoa học.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
STP tỉnh Cao Bằng	STP tỉnh Tiền Giang	<p>Đề nghị sửa đổi Điều 51 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP theo hướng đa dạng hình thức tổ chức tuân thủ thẩm định (bằng văn bản, bằng phiếu lấy ý kiến, họp,...) vì trên thực tế đối với các dự thảo VBQGPL có nội dung đơn giản thì không cần thiết tổ chức họp.</p> <p>+ Về thời hạn gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra:</p> <p>Tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: "Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản."</p> <p>Đề nghị xem xét, quy định thời hạn gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra cho phù hợp vì đối với nghị quyết của HĐND thì thời điểm thông qua và thời điểm ký ban hành là khác nhau. Tại thời điểm thông qua thì các đại biểu chỉ thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp, sau đó bộ phận chuyên môn của HĐND sẽ chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các đại biểu tại cuộc họp, sau 3-5 ngày mới được trình Chủ tịch HĐND ký chính thức.</p> <p>+ Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính kịp thời trong phát hiện, kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p> <p>Luật Ban hành VBQGPL đã quy định nội dung này</p>
STP tỉnh Thái Nguyên		<p>Các trường hợp ban hành văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND được quy định từ Điều 27 đến Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, ngoài trường hợp ban hành văn bản QPPL để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thì các trường hợp còn lại rất chung chung, khó phân biệt, từ đó khó khăn trong xác định quy trình xây dựng văn bản tương ứng</p>	<p>Luật Ban hành VBQGPL quy định việc giải thích VBQGPL thuộc thẩm quyền của UBTVTQH</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		với từng trường hợp. Đề nghị bổ sung trong dự thảo Nghị định việc giải thích, cụ thể hóa các trường hợp ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp.	
UBND tỉnh Yên Bái	HĐND TP Hồ Chí Minh	Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về việc bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề nghị kết câu lại khoản này cho phù hợp Mẫu số 28 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Tiếp thu
HĐND tỉnh Yên Bái	HĐND tỉnh Yên Bái	Điều 118 chưa quy định cụ thể thời hạn để Thường trực HĐND cấp tỉnh trả lời đối với đề nghị xây dựng nghị quyết, kiến nghị bổ sung thời hạn.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HĐND tỉnh Yên Bái	HĐND tỉnh Yên Bái	Đề nghị tách đoạn 2 khoản 2 Điều 18 NĐ 34 “Trường hợp chấp thuậncho việc soạn thảo” thành 1 điều riêng cụ thể, từ việc tiếp nhận hồ sơ, phân công ban của HĐND tham tra, thời hạn tham tra, báo cáo kết quả tham tra, trách nhiệm tham mưu xây dựng văn bản chấp thuận, nội dung, hình thức và chấp thuận của Thường trực HĐND. Nghiên cứu sửa đổi Luật năm 2020 quy định các Ban của HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện tham tra đề nghị xây dựng NQ.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HĐND tỉnh Yên Bái	HĐND tỉnh Yên Bái	Bổ sung quy định HĐND cấp tỉnh ban hành Chương trình xây dựng NQ QPPL hàng năm để đảm bảo chủ động trong việc giao việc cho UBND tỉnh để xuất về đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HĐND tỉnh Yên Bái	HĐND tỉnh Yên Bái	Bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể Điều 27 của Luật BHVBQPPL	Luật Ban hành VBQPPL quy định việc giải thích VBQPPL thuộc thẩm quyền của UBTVTQH
HĐND tỉnh Yên Bái		Quy định và hướng dẫn cụ thể mẫu, hình thức, nội dung VB	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
HĐND tỉnh Yên Bái	UBND tỉnh Sóc Trăng	<p>Bổ sung trách nhiệm của STP trong việc cho ý kiến về đề nghị xây dựng NQ của HĐND tỉnh tại Điều 27 Luật trước khi UBND tỉnh gửi đến Thường trực HĐND xem xét quyết định.</p> <p>Kiến nghị sửa Điều 28, quy định trách nhiệm đề xuất và lập danh mục VB quy định chi tiết luật, NQ của QH để địa phương có cơ sở tổ chức thực hiện.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu chấp thuận đề nghị xây dựng NQ của Thường trực HĐND</p> <p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
UBND tỉnh Sóc Trăng	UBND tỉnh Sóc Trăng	<p>Theo Điều 111 Luật thi đè nghị xây dựng NQ để quy định chi tiết điều, khoản, điểm hay đè nghị xây dựng NQ có nội dung khoản 4 Điều 27 đều phải lập đè nghị xây dựng, trong đó lập đè nghị xây dựng đối với các TH này là khác nhau.</p> <p>Theo đó Chương II nêu “Lập đè nghị xây dựng VBQPPL”, trong đó các Điều 10. 11. 13....18 sử dụng cụm từ “đè nghị xây dựng VBQPPL” tuy nhiên việc sử dụng cụm từ này chưa rõ hướng dẫn chung tất cả TH hay chỉ riêng với khoản 4 Điều 27. Đề nghị xem xét cụm từ “đè nghị xây dựng VBQPPL” theo ướng làm rõ “có nội dung khoản 4 Điều 27 của Luật” để thống nhất với mẫu ô 02 kèm theo dự thảo.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
UBND tỉnh Sóc Trăng	UBND tỉnh Sóc Trăng	<p>Điều 121. 130 quy định: BCTB phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến về việc dự thảo NQ đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình UBND. Tuy nhiên chưa hướng dẫn rõ TH nào sẽ đủ điều kiện trình và TH nào chưa đủ đk trình. Đề nghị làm rõ.</p>	
HĐND tỉnh Tây Ninh		<p>Kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm tra và ban hành nghị quyết cá biệt để thực hiện đồng bộ và thống nhất</p>	<p>Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành chỉ điều chỉnh các VBQPPL. Các văn bản hành chính được điều chỉnh bởi Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày</p>

NHÓM VĂN BẢN	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND tỉnh Đăk Lăk	Tại tên Điều 1: Đề nghị bỏ các nội dung “ <i>sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</i> ”; “ <i>sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</i> ” cho ngắn gọn, phù hợp hơn, vì theo Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP) thì trong lần viễn dẫn tiếp theo đối với Nghị định, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó. Do đó, không cần chú thích gọi tắt thì các văn bản này vẫn mặc nhiên được gọi tắt như trên.	Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị nghiên cứu bổ cục nội dung này thành một điều riêng cho phù hợp, logic hơn.	Tiếp thu
UBND tỉnh Quảng Bình	Đề nghị sửa đổi về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh theo hướng tách riêng nội dung, cách thức thực hiện đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL của Trung ương với VBQPPL của địa phương. Theo đó, các nội dung đánh giá tác động chỉnh sửa trong Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh nên quy định đơn giản hơn so với nội dung đánh giá tác động chính sách trong VBQPPL Trung ương.	Đề nghị sửa đổi về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh theo hướng tách riêng nội dung, cách thức thực hiện đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL của Trung ương với VBQPPL của địa phương. Theo đó, các nội dung đánh giá tác động chỉnh sửa trong Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh nên quy định đơn giản hơn so với nội dung đánh giá tác động chính sách trong VBQPPL Trung ương.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Quảng Bình	Về quy định trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện dự thảo Nghị quyết hoặc dự thảo Quyết định: Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn sau bao nhiêu ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thì cơ quan soạn thảo phải hoàn thiện văn bản trình dự thảo gửi UBND cấp tỉnh, cấp huyện để xem xét, quyết định. Quá thời hạn trên mà cơ quan soạn thảo chưa trình UBND cùng cấp thì phải thực hiện thẩm định lại	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	
UBND tỉnh Quảng Bình	Đề nghị bỏ nội dung Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh lập và trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực HĐND cấp tỉnh	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND tỉnh Bình Dương	<p>quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc Hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.</p> <p>Dè nghị xem xét lại việc quy định nội dung trình tự, thủ tục rút gọn nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 2 Điều 148 Luật năm 2015; theo quy định “Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến” vậy trường hợp nào để xác định dự thảo văn bản cần được tổ chức lấy ý kiến; dự thảo văn bản áp dụng theo trình tự rút gọn thì có đăng lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử hay không. Dè nghị cơ quan soạn thảo văn bản quy định cụ thể các nội dung nêu trên.</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
HDND tỉnh An Giang		<p>Khoản 2 Điều 8 Nghị định 34/2016/NĐ-CP, dè nghị điều chỉnh cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội” thành “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.</p>	Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Bổ cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội” tại khoản 2 Điều 8,
UBND tỉnh Quảng Ninh		<p>Dè nghị Bộ Tư pháp rà soát để sửa đổi cụm từ “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam” thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”. Lý do: Vì đã được đổi tên theo Quyết định số 1496/QĐ-TTg ngày 30/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	Tiếp thu
UBND tỉnh Quảng Ninh		<p>Tại Luật và 02 Nghị định chưa quy định thời hạn thực hiện ở một số khâu trong trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL, ví dụ: thời hạn để Thương trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ được quy định tại Điều 118 của Luật; thời hạn để Ủy ban nhân dân</p>	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH NỘI DUNG
UBND tỉnh Quảng Ninh	tỉnh ban hành văn bản sau khi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về thời hạn đối với nhiệm vụ này.	Việc hạn chế quy định thủ tục hành chính trong quyết định của Ủy ban nhân dân chưa thật sự hợp lý, vì trong trường hợp quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành những biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương nhưng không được quy định thủ tục hành chính để thực hiện là không khả thi. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ban hành thủ tục hành chính đối với những quyết định khi ban hành để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.	Nội dung này được quy định trong Luật Ban hành VBQPL do vậy Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật Ban hành VBQPL thời gian tới.
UBND tỉnh Quảng Ninh	Tại Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP[1] (được bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện quy định của Điều này, tại địa phương hầu như không nhận được thông báo của các bộ, ngành giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết đối với những văn bản do cấp trên đã ban hành. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung “ <i>Bộ Tư pháp đôn đốc các Bộ, ngành thực hiện gửi thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về danh mục nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ Thông tư của Bộ trưởng, giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết</i> ” vào Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu
UBND tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị bãi bỏ khoản 3 Điều 28 và khoản 3 Điều 29 của Nghị	Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>định số 34 về trách nhiệm lập danh mục quy định chi tiết của địa phương vi khoản 3 Điều 28 quy định về trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước nhưng không quy định rõ việc lập danh mục quy định chi tiết này nằm ở giai đoạn nào trong quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL và danh mục cần những thông tin, nội dung nào. Hiện nay, việc lập danh mục quy định chi tiết thường được thực hiện trước khi thực hiện lập đề nghị xây dựng văn bản và tại bước lập danh mục, cơ quan chuyên môn chỉ đề xuất được tên văn bản, dự kiến thời gian soạn thảo và ban hành; cơ quan chuyên môn sẽ chưa thực hiện các nội dung cụ thể như việc lập đề nghị. Tuy nhiên, có trường hợp, mặc dù đang ở bước lập danh mục nhưng cơ quan ban hành danh mục (Thường trực HĐND cấp tỉnh) yêu cầu cơ quan chuyên môn phải đánh giá, đề xuất được nội dung cụ thể của văn bản như ở giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản dẫn đến tồn thời gian, cơ quan chuyên môn lúng túng không thể tách bạch bước lập danh mục văn bản quy định chi tiết và bước lập đề nghị xây dựng văn bản. Bên cạnh đó, địa phương thường không ban hành văn bản quy định chi tiết ngay sau khi luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ban hành mà cần đợi hướng dẫn từ nghị định của Chính phủ hay thông tư của Bộ trưởng. Như vậy việc lập danh mục quy định chi tiết tại địa phương không thật sự có ý nghĩa.</p> <p>- Luật ban hành VBQPPL hay Nghị định số 34 chưa có quy định rõ về việc Sở Tư pháp chỉ thực hiện thẩm định một lần đối với một đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc một dự thảo VBQPPL, hay phải thẩm định lại nhiều lần theo đề nghị của cơ quan lập đề nghị, cơ quan soạn thảo. Hiện nay, trong thực tiễn xây dựng VBQPPL tại địa phương, vẫn còn tình trạng đề nghị xây dựng</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÊ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>văn bản được STP thẩm định nhưng trong quá trình chỉnh lý, trình có sự chỉnh sửa, thay đổi nội dung để nghị sau đó lại đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại. Điều này dẫn đến việc Sở Tư pháp phải thẩm định lại nhiều lần đối với một đề nghị xây dựng văn bản, kéo dài thời gian xây dựng, ban hành văn bản. Do đó, đề xuất bổ sung quy định Sở Tư pháp chỉ thực hiện thẩm định một lần đối với một đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc một dự thảo VBQPPL.</p> <p>- Quy định rõ về việc trong trường hợp xây dựng nghị quyết chính sách thi có được áp dụng trình tự, thủ tục hay không? Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung cho phép áp dụng thủ tục rút gọn đối với trường hợp ban hành văn bản chỉ để bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của VBQPPL. Bởi đối với những trường hợp này, việc đề xuất bãi bỏ được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát văn bản. Do đó, khi đã có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc bãi bỏ văn bản thì việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản bãi bỏ VBQPPL là không cần thiết, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý văn bản.</p> <p>- Điểm a khoản 3 Điều 139 ND số 34 quy định UBND rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND cùng cấp, phối hợp với thường trực HĐND xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND. Công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, ngay khi phát sinh cần cù rà soát trong khi HĐND làm việc theo chế độ hội nghị và mỗi năm có hai kỳ họp. Do đó, nếu thực hiện theo quy định thì khi UBND rà soát nghị quyết của HĐND xong phải đợi HĐND họp xong mới trình thông qua chủ trương xử lý kết quả rà soát, sau đó mới tiến hành quy trình xây dựng VBQPPL để xử lý kết quả rà soát, dẫn đến thời gian xử lý kết quả rà soát kéo dài. Do đó, đề xuất điều chỉnh điểm a khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34 theo hướng UBND rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của HĐND cùng cấp, trình Thường trực HĐND cùng</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>cấp thông qua chủ trương xử lý kết quả rà soát đối với VBQPPL của HĐND, sau khi có chủ trương xử lý kết quả rà soát của Thường trực HĐND, UBND tiến hành quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL để trình HĐND thông qua văn bản xử lý văn bản được rà soát.</p> <p>- Hiện nay, việc rà soát VBQPPL và đề nghị xây dựng VBQPPL (đối với văn bản đã ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) đều phải thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, kết quả của việc rà soát và lập đề nghị xây dựng quyết định đều giống nhau, đó là chủ trương ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản hiện hành, trong khi đó, thẩm quyền xử lý kết quả rà soát (HĐND, UBND) và thẩm quyền chấp thuận đề nghị xây dựng văn bản (Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND) là khác nhau. Do đó, đề nghị điều chỉnh theo hướng, đổi với những văn bản hiện hành mà cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì chỉ thực hiện thủ tục rà soát để đề xuất xử lý và giao thẩm quyền cho Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND. Trường hợp ban hành mới thì phải lập đề nghị xây dựng văn bản như quy định hiện hành.</p>	
Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định một số quy định theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận mạnh trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong việc có ý kiến về tình tương thích của đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; - Yêu cầu hồ sơ đề nghị thẩm định phải có Báo cáo của cơ quan chủ trì về tình tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hiện nay, Luật BHVBQPPL không có quy định về vấn đề này nhưng theo một số điều khoản của Luật này (như Điều 58, Điều 92, Điều 98...) thì hồ sơ đề nghị thẩm định có thể bao gồm các tài liệu khác (nếu có) và việc yêu cầu bổ sung Báo 	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>	

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
UBND thành phố Hồ Chí Minh		<p>cáo như vậy là phù hợp với các quy định của Luật Ban hành VBQPPL.</p> <p>- Qua thực tiễn quản lý nhà nước và kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp nhận thấy các cơ quan, đơn vị khi tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn gặp nhiều lúng túng trong việc xác định nội dung nào thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27, trường hợp nào thuộc quy định tại khoản 3 Điều 27 nêu trên. Do đó, đề nghị bổ sung quy định cụ thể để xác định, phân biệt các trường hợp nêu trên để thuận lợi khi thực hiện đánh giá tác động chính sách đối với các nội dung của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ về “trường hợp khẩn cấp, cấp bách” được quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để các cơ quan, đơn vị có cách hiểu thống nhất trong việc xác định trường hợp được xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.</p> <p>- Đề nghị bổ sung biểu mẫu Tờ trình lập đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và biểu mẫu Văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;</p> <p>- Đề nghị bổ sung tên của các điều trong các Mẫu văn bản ban hành kèm theo Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...vì:</p> <p>+ Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định bổ cục của văn bản, trong đó quy định: “3. <i>Phàn, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên. Tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều</i>”.</p> <p>+ Tuy nhiên, đối với các Mẫu văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...nêu tại Phụ</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chưa thể hiện tên của các Điều.</p> <p>- Đề nghị bổ sung mẫu quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận (nơi tổ chức chính quyền đô thị), không tổ chức Hội đồng nhân dân): Ngày 21/9/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 3517/BTP-VĐCXDPL, về trả lời vướng mắc khi thực hiện chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó có hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày quyết định quy phạm của Ủy ban nhân dân quận và thẩm quyền ký Quyết định, do đó tại Dự thảo lần này đề nghị bổ sung mẫu quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận để thực hiện thông nhất.</p>	
	<p>STP thành phố Hà Nội</p>	<p>Về quy định dự kiến ngày có hiệu lực văn bản, hiện các cơ quan đã triển khai chữ ký số, việc trình ký và điền số ngày có hiệu lực bằng tay không khả thi, nếu cơ quan soạn thảo chốt hiệu lực trước thì với Nghị quyết của HĐND thì dự kiến được ngày, còn với Quyết định thì phụ thuộc và thời gian trình, họp UBND và không có mốc thời gian cụ thể, không dự kiến được ngày có hiệu lực chính xác.</p>	<p>Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu</p>
	<p>STP thành phố Hà Nội</p>	<p>Đối với văn bản bãi bỏ VBQPPL có bắt buộc phải ban hành theo trình tự rút gọn không hay ban hành theo trình tự bình thường, nên quy định rõ để thống nhất thực hiện.</p>	<p>Khoản 4 điều 146 Luật Ban hành VBQPPL đã quy định về nội dung này</p>

NHÓM VĂN ĐỀ	CHỦ THÈ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sách gờ để khi thẩm định dự thảo có cơ sở để đổi chiếu các chính sách đó đã được chấp thuận hay không, thực tế các văn bản chấp thuận chỉ có đồng ý hay không đồng ý cho phép xây dựng Nghị quyết	

